

HỒ SƠ MỜI THẦU
MUA SẴM HÀNG HÓA QUA MẠNG
(Không áp dụng Luật đấu thầu)

<u>Số hiệu gói thầu và số thông báo mời thầu (nếu có):</u>	
<u>Tên gói thầu:</u>	MUA SẴM 01 XE CẦU BÁNH LỚP 145-160 TẤN
<u>Dự án:</u>	ĐẦU TƯ XE CẦU BÁNH LỚP 145-160 TẤN
<u>Phát hành ngày:</u>	05/02/2026
<u>Ban hành kèm theo Quyết định:</u>	2.17./QĐ-CDV, ngày 02/02/2026

Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 02 năm 2026

Chi nhánh Cảng Dầu khí và Dịch vụ Năng lượng tái tạo – Tổng Công ty Cổ phần
Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]



GIÁM ĐỐC
Đông Xuân Khánh

MỤC LỤC

Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu và dữ liệu chào thầu

Chương II. Tiêu chuẩn đánh giá HSDT

Chương III. Biểu mẫu mời thầu

Chương IV. Yêu cầu về kỹ thuật

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

CDNT	Chỉ dẫn nhà thầu và dữ liệu chào thầu
HSMT	Hồ sơ mời thầu
HSDT	Hồ sơ dự thầu
VNĐ	Đông Việt Nam
Hệ thống	Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia tại địa chỉ http://muasamcong.mpi.gov.vn



Chương I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU VÀ DỮ LIỆU CHÀO THẦU

1. Phạm vi gói thầu	1.1. Chủ đầu tư: Chi nhánh Cảng Dầu khí và Dịch vụ Năng lượng tái tạo - Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam 1.2. Tên gói thầu: “Mua sắm 01 xe cẩu bánh lốp 145-160 tấn” .
2. Nguồn vốn	Nguồn vốn: Vốn chủ sở hữu và vốn vay.
3. Tư cách hợp lệ của nhà thầu	Nhà thầu đáp ứng đủ các điều kiện sau đây: a) Hạch toán tài chính độc lập; b) Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản; c) Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự.
4. Sửa đổi, làm rõ HSMT	4.1. Trường hợp cần thiết phải điều chỉnh phạm vi cung cấp hoặc các nội dung yêu cầu khác, Chủ đầu tư sẽ tiến hành sửa đổi HSMT (bao gồm cả việc gia hạn thời hạn nộp HSDT nếu cần thiết) bằng cách đăng tải quyết định sửa đổi kèm theo các nội dung sửa đổi và HSMT đã được sửa đổi cho phù hợp trước thời điểm đóng thầu tối thiểu 03 ngày làm việc. 4.2. Trường hợp cần làm rõ HSMT, nhà thầu phải gửi đề nghị làm rõ đến Chủ đầu tư trong khoảng thời gian tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu để Chủ đầu tư xem xét. Sau khi nhận được đề nghị làm rõ của nhà thầu, Chủ đầu tư sẽ xem xét trả lời làm rõ nếu thấy cần thiết. Trường hợp Chủ đầu tư đánh giá không cần thiết phải sửa đổi HSMT thì Chủ đầu tư có thể không cần gửi trả lời làm rõ đến nhà thầu. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi HSMT thì Chủ đầu tư tiến hành sửa đổi HSMT theo quy định tại Mục 4.1 - CDNT.
5. Ngôn ngữ của HSDT	HSDT cũng như tất cả văn bản và tài liệu liên quan đến HSDT được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu kỹ thuật, bổ trợ trong HSDT (đề xuất kỹ thuật, catalô...) có thể được viết bằng ngôn ngữ khác như Tiếng Anh. Trường hợp cần bản dịch, Chủ đầu tư có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung (nếu cần thiết).
6. Thành phần của HSDT	HSDT phải bao gồm các thành phần sau: 6.1. Đơn dự thầu; 6.2. Bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 13 - CDNT; 6.3. Bản kê khai năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu theo Mục 11 - CDNT; 6.4. Đề xuất về kỹ thuật và các tài liệu theo quy định tại Mục 10 - CDNT; 6.5. Đề xuất về tài chính và các bảng biểu được ghi đầy đủ thông tin theo quy định tại các Mẫu số 10, 11, 12, 13 – Chương III; 6.6. Các nội dung khác theo quy định tại HSMT.
7. Giá dự thầu và giảm giá	7.1. Giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu và trong các bảng giá cùng với các khoản giảm giá phải đáp ứng các quy định trong Mục này: a) Giá dự thầu là giá do nhà thầu chào trong Đơn dự thầu, bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện gói thầu (chưa tính giảm giá) và giảm giá (nếu có).

	<p>b) Nhà thầu phải nộp HSDT cho toàn bộ công việc yêu cầu trong HSMT và ghi đơn giá dự thầu cho tất cả các công việc nêu trong các cột “Danh mục yêu cầu”, “Mô tả dịch vụ yêu cầu” theo các Mẫu số 11, 12, 13 - Chương III.</p> <p>7.2. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về giá dự thầu để thực hiện, hoàn thành các công việc theo đúng yêu cầu nêu trong HSMT. Trường hợp nhà thầu có đơn giá thấp khác thường, ảnh hưởng đến chất lượng gói thầu thì Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu làm rõ về tính khả thi của đơn giá thấp khác thường đó.</p> <p>7.3. Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì HSDT của nhà thầu sẽ bị loại.</p>
<p>8. Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán</p>	<p>Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán là VNĐ.</p>
<p>9. Quy cách của HSDT và chữ ký trong HSDT</p>	<p>9.1. Nhà thầu chuẩn bị một bộ HSDT (bản scan + bản soạn thảo word/excel/...) khi tham gia dự thầu qua mạng.</p> <p>9.2. Đơn dự thầu do nhà thầu chuẩn bị và phải được ghi đầy đủ theo Mẫu số 1 - Chương III, có chữ ký của người đại diện hợp pháp của nhà thầu (là người đại diện theo pháp luật của nhà thầu hoặc người được ủy quyền kèm theo giấy ủy quyền hợp lệ).</p> <p>9.3. HSDT phải được đánh máy, in bằng mực không tẩy được, nên đánh số trang theo thứ tự liên tục. Đơn dự thầu, thư giảm giá (nếu có), các văn bản bổ sung, làm rõ HSDT (nếu có), biểu giá và các biểu mẫu khác yêu cầu đại diện hợp pháp của nhà thầu ký theo hướng dẫn tại Mục 9.2 - CDNT.</p> <p>9.4. Những chữ viết chen giữa, tẩy xóa hoặc viết đè lên bản đánh máy chỉ có giá trị khi có chữ ký (của người ký Đơn dự thầu) ở bên cạnh và được đóng dấu (nếu có).</p>
<p>10. Tài liệu chứng minh sự phù hợp của hàng hóa, dịch vụ liên quan</p>	<p>10.1. Để chứng minh sự phù hợp của hàng hóa và dịch vụ liên quan so với yêu cầu của HSMT, nhà thầu phải cung cấp các tài liệu để chứng minh hàng hóa mà nhà thầu cung cấp đáp ứng các yêu cầu về kỹ thuật quy định tại Chương IV. Các tài liệu này là một phần của HSDT.</p> <p>10.2. Thuật ngữ “hàng hóa” được hiểu bao gồm máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phụ tùng; hàng tiêu dùng.</p> <p>10.3. Thuật ngữ “xuất xứ” được hiểu là quốc gia hoặc vùng lãnh thổ nơi hàng hóa được khai thác, chăn nuôi, trồng trọt, sản xuất, chế tạo hoặc chế biến tại quốc gia hoặc vùng lãnh thổ đó, thông qua quá trình chế tạo, chế biến hoặc lắp ráp để tạo thành một sản phẩm được công nhận về mặt thương mại và có sự khác biệt đáng kể về các đặc điểm căn bản so với các yếu tố cấu thành ban đầu.</p> <p>10.4. Thuật ngữ “dịch vụ liên quan” bao gồm các dịch vụ như bảo hiểm, lắp đặt, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa ban đầu hoặc cung cấp các dịch vụ</p>

	<p>sau bán hàng khác như đào tạo, chuyển giao công nghệ....</p> <p>10.5. Nhà thầu phải kê khai xuất xứ của hàng hóa trong Mẫu số 11 Chương III. Trường hợp nhà thầu chào nhiều xuất xứ cho một đơn vị tính của hàng hóa (một cái, một chiếc...) nhưng cùng một hãng sản xuất và có cùng đơn giá thì Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu làm rõ để xác định cụ thể xuất xứ của hàng hóa này.</p> <p>10.6. Tài liệu chứng minh sự phù hợp của hàng hóa và dịch vụ liên quan có thể là hồ sơ, giấy tờ, bản vẽ, số liệu được mô tả chi tiết theo từng khoản mục về đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng cơ bản của hàng hóa và dịch vụ liên quan, qua đó chứng minh sự đáp ứng cơ bản của hàng hóa, dịch vụ so với các yêu cầu của HSMT và một bảng kê những điểm sai khác và ngoại lệ (nếu có) so với quy định tại Chương IV.</p>
11. Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu	Nhà thầu kê khai các thông tin cần thiết vào các Mẫu trong Chương III để cung cấp thông tin về năng lực, kinh nghiệm theo yêu cầu tại Chương II.
12. Thời hạn có hiệu lực của HSDT	<p>12.1. Thời hạn hiệu lực của HSDT là: ≥ 120 ngày kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.</p> <p>12.2. Trong trường hợp cần thiết, trước khi hết thời hạn hiệu lực của HSDT, Chủ đầu tư có thể đề nghị các nhà thầu gia hạn hiệu lực của HSDT, đồng thời yêu cầu nhà thầu gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu (bằng thời gian hiệu lực HSDT sau khi gia hạn cộng thêm 30 ngày).</p>
13. Bảo đảm dự thầu	<p>13.1. Giá trị bảo đảm dự thầu: 900.000.000 VNĐ (Bằng chữ: Chín trăm triệu đồng).</p> <p>13.2. Thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu: 150 ngày kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.</p> <p>13.3. Bảo đảm dự thầu được coi là không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: có giá trị thấp hơn, thời gian có hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi Chủ đầu tư phát hành HSMT, có kèm theo các điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư (trong đó bao gồm việc không đáp ứng đủ các cam kết theo quy định tại Mẫu số 03.A và Mẫu số 03.B - Chương III).</p> <p>13.4. Nhà thầu không được lựa chọn sẽ được hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu trong vòng 14 ngày kể từ ngày kết quả lựa chọn nhà thầu được phê duyệt. Đối với nhà thầu được lựa chọn, bảo đảm dự thầu được hoàn trả hoặc giải tỏa khi hợp đồng có hiệu lực.</p> <p>13.5. Nhà thầu sẽ không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà thầu không tuân thủ theo các cam kết trong HSDT; - Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của HSDT, nhà thầu có văn bản rút HSDT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong HSDT theo yêu cầu của HSMT; - Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành thương thảo hợp đồng trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo mời đến

	<p>thương thảo hợp đồng của Chủ đầu tư, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định; - Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo kết quả của Chủ đầu tư, trừ trường hợp bất khả kháng; - Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng. <p>13.6 Nhà thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu trước thời điểm đóng thầu theo một hoặc các hình thức thư bảo lãnh do đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam phát hành.</p>
14. Thời điểm đóng thầu	<p>14.1. Thời điểm đóng thầu: 09 giờ 00 ngày 05 tháng 03 năm 2026 (giờ Việt Nam).</p> <p>14.2. Chủ đầu tư có thể gia hạn thời điểm đóng thầu bằng cách thông báo gia hạn trên Hệ thống. Khi gia hạn thời điểm đóng thầu, mọi trách nhiệm của Chủ đầu tư và nhà thầu theo thời điểm đóng thầu trước đó sẽ được thay đổi theo thời điểm đóng thầu mới được gia hạn.</p>
15. Nộp HSDT	HSDT (bản scan + bản soạn thảo word/excel/...) phải được nhà thầu đăng tải trên Hệ thống trước thời điểm đóng thầu.
16. Mở thầu	Chủ đầu tư tiến hành mở thầu trên Hệ thống sau thời điểm đóng thầu. Trường hợp không có nhà thầu nộp HSDT, Chủ đầu tư xem xét gia hạn thời điểm đóng thầu hoặc tổ chức lại việc lựa chọn nhà thầu.
17. Bảo mật	Thông tin liên quan đến việc đánh giá HSDT và đề nghị trao hợp đồng phải được giữ bí mật và không được phép tiết lộ cho các nhà thầu hay bất kỳ người nào không có liên quan chính thức đến quá trình lựa chọn nhà thầu cho tới khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu. Trong mọi trường hợp không được tiết lộ thông tin trong HSDT của nhà thầu này cho nhà thầu khác, trừ thông tin được công khai trong biên bản mở thầu.
18. Làm rõ HSDT	<p>18.1. Sau khi mở thầu, nhà thầu có trách nhiệm làm rõ HSDT theo yêu cầu của Chủ đầu tư, kể cả về tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu.</p> <p>18.2. Trong quá trình đánh giá, việc làm rõ HSDT giữa nhà thầu và Chủ đầu tư được thực hiện trực tiếp trên Hệ thống hoặc bằng văn bản.</p> <p>18.3. Việc làm rõ HSDT chỉ được thực hiện giữa Chủ đầu tư và nhà thầu có HSDT cần phải làm rõ.</p> <p>18.4. Trường hợp có sự không thống nhất trong nội dung của HSDT hoặc có nội dung chưa rõ thì Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu làm rõ trên cơ sở tuân thủ quy định tại Mục 18.1 - CDNT.</p> <p>18.5. Trường hợp có nghi ngờ về tính xác thực của các tài liệu do nhà thầu cung cấp, Chủ đầu tư được xác minh với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến nội dung của tài liệu.</p> <p>18.6. Trường hợp HSMT có yêu cầu về cam kết, hợp đồng nguyên tắc thuê thiết bị, cung cấp vật liệu chính, bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng mà HSDT không đính kèm các tài liệu này thì Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu làm rõ HSDT, bổ sung tài liệu trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc để làm cơ sở đánh giá HSDT.</p>
19. Xác định tính đáp ứng	19.1. Chủ đầu tư sẽ xác định tính đáp ứng của HSDT dựa trên nội dung của HSDT theo quy định tại Mục 6.

<p>của HSDT</p>	<p>19.2. HSDT đáp ứng cơ bản là HSDT đáp ứng các yêu cầu nêu trong HSMT mà không có các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản.</p> <p>19.3. Chủ đầu tư phải kiểm tra các khía cạnh kỹ thuật của HSDT theo quy định tại Mục 10 và Mục 11 - CDNT nhằm khẳng định rằng tất cả các yêu cầu quy định trong HSMT đã được đáp ứng và HSDT không có những sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót các nội dung cơ bản.</p> <p>19.4. Nếu HSDT không đáp ứng cơ bản các yêu cầu nêu trong HSMT thì HSDT đó sẽ bị loại; không được phép sửa đổi các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản trong HSDT đó nhằm làm cho HSDT đáp ứng cơ bản HSMT.</p>
<p>20. Sửa lỗi</p>	<p>Với điều kiện HSDT đáp ứng căn bản HSMT, việc sửa lỗi số học và các lỗi khác được tiến hành theo nguyên tắc sau đây:</p> <p>20.1. Lỗi số học bao gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác khi tính toán giá dự thầu. Trường hợp không nhất quán giữa đơn giá và thành tiền thì lấy đơn giá làm cơ sở cho việc sửa lỗi; nếu phát hiện đơn giá dự thầu có sự sai khác bất thường do lỗi hệ thập phân (10 lần, 100 lần, 1.000 lần) thì thành tiền là cơ sở cho việc sửa lỗi. Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” nhà thầu không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của công việc này vào các công việc khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện hoàn thành các công việc này theo đúng yêu cầu nêu trong HSMT và không được Chủ đầu tư thanh toán trong quá trình thực hiện hợp đồng.</p> <p>20.2. Các lỗi khác:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tại cột thành tiền đã được ghi đầy đủ giá trị nhưng không có đơn giá dự thầu tương ứng thì đơn giá dự thầu được xác định bổ sung bằng cách chia thành tiền cho số lượng; khi có đơn giá dự thầu nhưng cột thành tiền bỏ trống thì giá trị cột thành tiền sẽ được xác định bổ sung bằng cách nhân số lượng với đơn giá dự thầu; nếu một nội dung nào đó có ghi đơn giá dự thầu và giá trị tại cột thành tiền nhưng bỏ trống số lượng thì số lượng bỏ trống được xác định bổ sung bằng cách chia giá trị tại cột thành tiền cho đơn giá dự thầu của nội dung đó. Trường hợp số lượng được xác định bổ sung nêu trên khác với số lượng nêu trong HSMT thì giá trị sai khác đó là sai lệch về phạm vi cung cấp và được hiệu chỉnh theo quy định tại Mục 21 - CDNT; - Lỗi nhầm đơn vị tính: sửa lại cho phù hợp với yêu cầu nêu trong HSMT; - Lỗi nhầm đơn vị: sử dụng dấu "," (dấu phẩy) thay cho dấu "." (dấu chấm) và ngược lại thì được sửa lại cho phù hợp theo cách viết của Việt Nam. Khi Chủ đầu tư cho rằng dấu phẩy hoặc dấu chấm trong đơn giá dự thầu rõ ràng đã bị đặt sai chỗ thì trong trường hợp này thành tiền của hạng mục sẽ có ý nghĩa quyết định và đơn giá dự thầu sẽ được sửa lại; - Nếu có sai sót khi cộng các khoản tiền để ra tổng số tiền thì sẽ sửa lại tổng số tiền theo các khoản tiền; - Nếu có sự khác biệt giữa con số và chữ viết thì lấy chữ viết làm cơ sở pháp lý cho việc sửa lỗi. Nếu chữ viết sai thì lấy con số sau khi sửa lỗi

	theo quy định tại Mục này làm cơ sở pháp lý.
21. Hiệu chỉnh các sai lệch	<p>21.1. Trường hợp có sai lệch về phạm vi cung cấp thì giá trị phần chào thiếu sẽ được cộng thêm vào, giá trị phần chào thừa sẽ được trừ đi theo mức đơn giá dự thầu tương ứng trong HSDT của nhà thầu có sai lệch; Trường hợp có sai lệch thiếu (thiếu hạng mục công việc so với yêu cầu về phạm vi cung cấp) mà không có đơn giá tương ứng trong HSDT của nhà thầu có sai lệch thì thực hiện hiệu chỉnh sai lệch như sau: Lấy mức đơn giá dự thầu cao nhất đối với hạng mục công việc mà nhà thầu chào thiếu trong số các HSDT khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp trong HSDT của các nhà thầu vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật không có đơn giá dự thầu của công việc này thì lấy đơn giá trong dự toán được duyệt của gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp không có dự toán gói thầu thì căn cứ vào đơn giá hình thành giá gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch. Trường hợp chỉ có một nhà thầu duy nhất vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật thì tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trên cơ sở lấy mức đơn giá dự thầu tương ứng trong HSDT của nhà thầu này; trường hợp HSDT của nhà thầu không có đơn giá dự thầu tương ứng thì lấy mức đơn giá trong dự toán của gói thầu được duyệt làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp không có dự toán gói thầu thì căn cứ vào đơn giá hình thành giá gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.</p> <p>21.2. Trường hợp nhà thầu có thư giảm giá, việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch được thực hiện trên cơ sở giá dự thầu chưa trừ đi giá trị giảm giá. Tỷ lệ phần trăm (%) của sai lệch thiếu được xác định trên cơ sở so với giá dự thầu ghi trong Đơn dự thầu.</p> <p>21.3. Trường hợp giá chào của nhà thầu có thuế VAT khác 10% thì chủ đầu tư có quyền điều chỉnh thuế VAT về 10% để đánh giá. Trường hợp giá chào của nhà thầu có thuế VAT nhưng không nêu cụ thể tỉ lệ phần trăm thì được hiểu là VAT bằng 10%.</p>
22. Đánh giá HSDT	<p>22.1. Chủ đầu tư áp dụng phương pháp đánh giá HSDT theo quy định như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá về tính hợp lệ của hồ sơ: Đạt/Không đạt. - Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm: Đạt/Không đạt. - Đánh giá về kỹ thuật: Đạt/Không đạt. - Đánh giá về tài chính: Giá đánh giá thấp nhất. <p>22.2. Quy trình đánh giá HSDT như sau:</p> <p>a) Bước 1: Đánh giá tính hợp lệ theo quy định tại Mục 1 - Chương II - Nhà thầu được đánh giá là đạt ở tất cả nội dung về tính hợp lệ thì được chuyển sang đánh giá về năng lực, kinh nghiệm.</p> <p>b) Bước 2: Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm theo quy định tại Mục 2 - Chương II. - Nhà thầu được đánh giá là đạt ở các nội dung về năng lực, kinh nghiệm thì được chuyển sang đánh giá về kỹ thuật.</p> <p>c) Bước 3: Đánh giá về kỹ thuật theo quy định tại Mục 3 - Chương II. Nhà thầu được đánh giá là đạt về kỹ thuật thì được chuyển sang đánh giá về</p>

	<p>tài chính.</p> <p>d) Bước 4: Đánh giá về tài chính theo quy định như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - d1. Xác định giá dự thầu (chưa tính giảm giá); - d2. Sửa lỗi (thực hiện theo quy định tại Mục 20 - CDNT); - d3. Hiệu chỉnh sai lệch (thực hiện theo quy định tại Mục 21 - CDNT); - d4. Xác định giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá (nếu có); - d5. Xác định giá đánh giá; - d6. Xếp hạng nhà thầu; <p>e) Nhà thầu xếp hạng thứ nhất được mời vào thương thảo, đàm phán hợp đồng theo quy định (nếu cần). Nhà thầu được mời vào thương thảo không đáp ứng quy định của HSMT thì mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo.</p>
23. Điều kiện xét duyệt được lựa chọn	<p>Nhà thầu được xem xét, đề nghị được lựa chọn khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>23.1. Có HSDT hợp lệ theo quy định tại Mục 1 - Chương II;</p> <p>23.2. Có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 2 - Chương II;</p> <p>23.3. Có đề xuất về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 3 - Chương II;</p> <p>23.4. Nhà thầu có giá đánh giá thấp nhất.</p> <p>23.5. Có giá đề nghị được lựa chọn bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) không vượt giá gói thầu được phê duyệt.</p>
24. Thay đổi khối lượng hàng hóa và dịch vụ	<p>24.1. Vào thời điểm trao hợp đồng, Chủ đầu tư có quyền tăng hoặc giảm khối lượng hàng hóa, dịch vụ nêu trong Chương III với điều kiện sự thay đổi đó không vượt quá 10% và không có bất kỳ thay đổi nào về đơn giá hay các điều kiện, điều khoản khác của HSDT và HSMT.</p> <p>24.2. Tùy chọn mua thêm: Không áp dụng</p>
25. Điều kiện ký kết hợp đồng	<p>25.1. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, HSDT của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực.</p> <p>25.2. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, nhà thầu được lựa chọn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính để thực hiện gói thầu theo yêu cầu của HSMT. Trường hợp thực tế nhà thầu không còn đáp ứng cơ bản yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính theo quy định nêu trong HSMT thì Chủ đầu tư sẽ từ chối ký kết hợp đồng với nhà thầu. Chủ đầu tư sẽ hủy quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, thông báo chấp thuận HSDT và trao hợp đồng trước đó và mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào đàm phán, thương thảo hợp đồng.</p>
26. Bảo đảm thực hiện hợp đồng	<p>26.1. Trước khi ký kết hợp đồng hoặc trước thời điểm hợp đồng có hiệu lực, nhà thầu được lựa chọn phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng với giá trị 5% giá hợp đồng có hiệu lực cho đến khi toàn bộ hàng hóa được bàn giao, hai bên ký biên bản nghiệm thu và Nhà thầu chuyển sang nghĩa vụ bảo hành theo quy định. Trường hợp áp dụng bảo lãnh thực hiện hợp đồng phải sử dụng Mẫu số 15 - Chương III hoặc một</p>

mẫu khác được Chủ đầu tư chấp thuận.

26.2. Nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây:

- a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng có hiệu lực;
- b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng;
- c) Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

Chương II. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HSDT

Mục 1. Đánh giá tính hợp lệ của HSDT

HSDT của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

1. Có đơn dự thầu hợp lệ theo quy định tại Mục 9.2 – CDNT;
 2. Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 3 – CDNT;
 3. Có bảo đảm dự thầu hợp lệ theo quy định tại Mục 13 – CDNT;
 4. Giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu phải cụ thể bằng số, bằng chữ và phải phù hợp với tổng giá dự thầu ghi trong bảng tổng hợp giá giá dự thầu, không đề xuất các giá dự thầu khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư;
 5. Thời hạn hiệu lực của HSDT đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 12 – CDNT.
 6. HSDT có đầy đủ thành phần tài liệu theo quy định tại Mục 6 – CDNT;
- Nhà thầu có HSDT hợp lệ được xem xét, đánh giá trong bước tiếp theo.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

2.1. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

Tiêu chuẩn đánh giá năng lực và kinh nghiệm thực hiện theo quy định tại Bảng số 01, nhà thầu được đánh giá là đạt về năng lực và kinh nghiệm khi đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn đánh giá. Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá HSDT của nhà thầu. Bản thân nhà thầu phải đáp ứng các tiêu chí đánh giá về năng lực và kinh nghiệm.

Trường hợp đồng tiền nêu trong các hợp đồng hoặc xác nhận thanh toán của Chủ đầu tư đối với những hợp đồng cung cấp hàng hóa đã thực hiện hoặc tờ khai nộp thuế hoặc các tài liệu liên quan chứng minh năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu không phải VNĐ thì khi lập HSDT, nhà thầu phải quy đổi về VNĐ để làm cơ sở đánh giá HSDT. Việc quy đổi được áp dụng tỷ giá mua chuyển khoản quy đổi của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại ngày ký hợp đồng tương tự đó.

Bảng số 01

BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		Tài liệu cần nộp
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
1	Lịch sử không hoàn thành hợp đồng	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có hợp đồng không hoàn thành do lỗi của nhà thầu	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 04B
2	Thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế,	Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế ⁽¹⁾ của năm tài chính gần nhất so	Phải thỏa mãn	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Cam kết trong đơn dự thầu

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
	nộp thuế	với thời điểm đóng thầu.	yêu cầu này			
3	Năng lực tài chính chính (Nhà thầu phải cung cấp báo cáo tài chính. Trường hợp không cung cấp đầy đủ hoặc không chứng minh được sẽ bị đánh giá là không đáp ứng yêu cầu về năng lực tài chính)					
3.1	Kết quả hoạt động tài chính	Giá trị tài sản ròng của nhà thầu trong năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu phải dương. (Giá trị tài sản ròng = Tổng tài sản - Tổng nợ)	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 08
3.2	Doanh thu bình quân hàng năm (không bao gồm VAT)	Doanh thu bình quân hàng năm (không bao gồm thuế VAT) của 03 năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu của nhà thầu có giá trị tối thiểu là 58.000.000.000 VNĐ .	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Mẫu số 08
3.3	Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự	Nhà thầu đã hoàn thành tối thiểu 01 hợp đồng tương tự với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh) hoặc nhà thầu phụ trong khoảng thời gian kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến thời điểm đóng thầu. Trong đó hợp đồng tương tự là: - Có tính chất tương tự: + Tương tự về chủng loại, là cần trục bánh lốp. + Là hàng hóa có cùng mã chương, mã nhóm trong hệ thống hài hòa mô tả và mã hàng hóa theo Hệ thống phân loại hàng hóa do Tổ chức hải quan thế giới WCO phát hành (gọi chung là mã HS): 8426xxx hoặc 8705xxx. - Giá trị của phần đã thực hiện của nhà thầu trong từng hợp đồng tối thiểu: 29.000.000.000 VNĐ .	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu (tương đương với phần công việc đàm nhận)	Mẫu số 04A

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
		(Nhà thầu phải cung cấp kèm theo Hợp đồng, biên bản nghiệm thu, hóa đơn... liên quan đến hàng hóa đã hoàn thành)				
4	Khả năng bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác	<p>Nhà thầu phải chứng minh khả năng thực hiện nghĩa vụ bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng bằng một trong các cách sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà thầu cam kết có năng lực tự thực hiện các nghĩa vụ bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng theo yêu cầu của HSMT. - Nhà thầu ký hợp đồng nguyên tắc với đơn vị có đủ khả năng thực hiện nghĩa vụ bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng theo yêu cầu của HSMT. 	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	

(1) Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế thu nhập cá nhân đối với nhà thầu là hộ kinh doanh) của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu (đối với trường hợp Hệ thống chưa cập nhật thông tin về nghĩa vụ nộp thuế) để đối chiếu khi được mời vào đối chiếu tài liệu. Nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế phải được thực hiện trước thời điểm đóng thầu. Nghĩa vụ nộp thuế là nộp thuế với giá trị thuế tương ứng với thuế suất, thu nhập chịu thuế, doanh thu tính thuế nhà thầu kê khai trên Hệ thống thuế điện tử (số thuế đã nộp tương ứng với số thuế phải nộp); trường hợp được chậm nộp thuế, miễn thuế, giảm thuế theo chính sách của Nhà nước thì thực hiện theo quy định này. Trường hợp Hệ thống chưa trích xuất tự động thông tin về nghĩa vụ nộp thuế của nhà thầu thì nhà thầu nộp các tài liệu như sau:

- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và Giấy nộp tiền có xác nhận của cơ quan thuế được in từ Hệ thống thuế điện tử hoặc

- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và xác nhận của cơ quan thuế về việc thực hiện nghĩa vụ thuế.

Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế áp dụng đối với năm tài chính trước năm Y (năm Y-1).

2.2. Tiêu chuẩn đánh giá về nhân sự chủ chốt:

Trường hợp HSMT yêu cầu về nhân sự chủ chốt thì nhà thầu phải chứng minh khả năng huy động các nhân sự chủ chốt đã đề xuất. Nhà thầu phải cung cấp thông tin chi tiết về các nhân sự chủ chốt được đề xuất và hồ sơ kinh nghiệm của nhân sự theo các Mẫu số 05, 06, 07 Chương III. Nhân sự chủ chốt có thể thuộc biên chế của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động. Trường hợp nhân sự chủ chốt mà nhà thầu kê khai trong HSDT không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động nhân sự (bao gồm cả trường hợp nhân sự đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này), Chủ đầu tư cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng vị trí nhân sự trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự thay thế đáp ứng yêu cầu của HSMT thì nhà thầu bị loại. Trong mọi trường hợp, nếu nhà thầu kê khai nhân sự không trung thực thì nhà thầu không được thay thế nhân sự khác, HSDT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận và bị xử lý theo quy định.

Nhà thầu phải cung cấp thông tin chi tiết về các nhân sự chủ chốt được đề xuất theo Mẫu số 05 Chương III để chứng minh rằng mình có đầy đủ nhân sự cho các vị trí chủ chốt đáp ứng những yêu cầu sau đây:

Bảng số 02: Yêu cầu về nhân sự chủ chốt

STT	Vị trí công việc	Số lượng	Kinh nghiệm trong các công việc tương tự	Chứng chỉ/ Trình độ chuyên môn
1	Nhân sự hướng dẫn lắp đặt, vận hành	≥ 01	Tối thiểu 03 năm kinh nghiệm về lĩnh vực liên quan	Bằng đại học chuyên ngành phù hợp. Có chứng chỉ xác nhận đã được đào tạo chuyên môn liên quan của Nhà sản xuất.
2	Nhân sự hướng dẫn bảo trì, bảo dưỡng	≥ 01	Tối thiểu 03 năm kinh nghiệm.	Là chuyên gia của hãng sản xuất xe cầu hoặc nhân sự có chứng chỉ xác nhận đã được đào tạo chuyên môn liên quan của Nhà sản xuất.

Nhà thầu phải cung cấp thông tin chi tiết về các nhân sự chủ chốt được đề xuất và hồ sơ kinh nghiệm của nhân sự theo các Mẫu số 05, 06, 07 Chương III.

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Gói thầu “Mua sắm 01 xe cầu bánh lốp 145-160 tấn”.

Hồ sơ dự thầu về kỹ thuật được đánh giá theo phương pháp Đạt/Không đạt, trong đó:

- **TIÊU CHÍ TỔNG QUÁT (*):** chỉ sử dụng tiêu chí ĐẠT/KHÔNG ĐẠT.

Tiêu chí tổng quát được đánh giá là ĐẠT nếu tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là ĐẠT và các tiêu chí chi tiết không cơ bản được đánh giá là ĐẠT hoặc CHẤP NHẬN ĐƯỢC.

- **Tiêu chí chi tiết cơ bản trong tiêu chí tổng quát:** chỉ sử dụng tiêu chí ĐẠT/KHÔNG ĐẠT.
- **Tiêu chí chi tiết không cơ bản trong tiêu chí tổng quát:** sử dụng tiêu chí ĐẠT/CHẤP NHẬN ĐƯỢC/KHÔNG ĐẠT.

HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát từ Mục I đến Mục IV đều được đánh giá là “ĐẠT”.

Bảng dưới đây là các tiêu chí (bao gồm tiêu chí tổng quát và tiêu chí chi tiết) để đánh giá về kỹ thuật.

STT	NỘI DUNG YÊU CẦU KỸ THUẬT		ĐẠT	CHẤP NHẬN ĐƯỢC	KHÔNG ĐẠT
I	YÊU CẦU CHUNG (*)			Không áp dụng	
1	Chủng loại	Xe cầu bánh lốp	Như yêu cầu	Không áp dụng	Khác
2	Sức nâng	Từ 145÷160 tấn	Như yêu cầu	Không áp dụng	Khác
3	Tình trạng	Mới 100% và chưa qua sử dụng	Như yêu cầu	Không áp dụng	Khác
4	Xuất xứ	Hàng hóa có xuất xứ G7	Như yêu cầu	Không áp dụng	Khác
5	Năm sản xuất	Từ năm 2025 trở về sau	Như yêu cầu	Không áp dụng	Khác
6	Thời gian giao hàng	≤ 210 ngày	Như yêu cầu	Không áp dụng	Khác
7	Địa điểm giao hàng	65A, đường 30/4, phường Rạch Dừa, Tp. Hồ Chí Minh.	Như yêu cầu	Không áp dụng	Khác
8	Kích thước-trọng lượng				
8.1	Tổng chiều dài (bao gồm tời phụ)	≤ 17000 mm	Như yêu cầu	Không áp dụng	Khác
8.2	Bán kính vòng quay bé nhất (tại đầu cần)	≤ 18000 mm	Như yêu cầu	Không áp dụng	Khác
8.3	Tổng chiều rộng (khi di chuyển không có đối trọng)	≤ 3500 mm	Như yêu cầu	Không áp dụng	Khác
8.4	Tổng chiều rộng khi lắp đầy đủ đối trọng	≤ 5200 mm	Như yêu cầu	Không áp dụng	Khác
8.5	Tổng chiều cao (khi di chuyển)	≤ 4000mm	Như yêu cầu	Không áp dụng	Khác
8.6	Khối lượng bản thân (khi di chuyển không có đối trọng, cần phụ, móc cầu)	≤ 60000kg	Như yêu cầu	Không áp dụng	Khác

STT	NỘI DUNG YÊU CẦU KỸ THUẬT		ĐẠT	CHẤP NHẬN ĐƯỢC	KHÔNG ĐẠT
9	Hiệu suất				
9.1	Tốc độ di chuyển tối đa	Theo thiết kế của Nhà sản xuất.	Như yêu cầu	Không áp dụng	Khác
9.2	Khả năng leo dốc tối đa	≥ 50%	Như yêu cầu	Không áp dụng	Khác
II	YÊU CẦU ĐỐI VỚI XE NỀN (*)			Không áp dụng	
1	Động cơ				
1.1	Thiết kế	Sử dụng riêng hoặc chung với động cơ phân cầu	Như yêu cầu	Không áp dụng	Khác
1.2	Năm sản xuất	Từ năm 2025 trở về sau, mới và chưa qua sử dụng	Như yêu cầu	Không áp dụng	Khác
1.3	Công suất tối đa tại số vòng quay lớn nhất	≥ 200 kW	Như yêu cầu	Không áp dụng	Khác
1.4	Mô men xoắn lớn nhất	≥ 780 N.m	Như yêu cầu	Không áp dụng	Khác
1.5	Loại động cơ	Động cơ Diesel 4 kỳ	Như yêu cầu	Không áp dụng	Khác
1.6	Số xy lanh	≤ 8 xy lanh	Như yêu cầu	Không áp dụng	Khác
1.7	Loại nhiên liệu	Diesel	Như yêu cầu	Không áp dụng	khác
1.8	Hệ thống làm mát	Làm mát bằng nước hoặc chất lỏng, có van hằng nhiệt, két nước, quạt gió	Như yêu cầu	Không áp dụng	Khác
1.9	Hệ thống bôi trơn	Bôi trơn cưỡng bức caterpillar, sử dụng dầu bôi trơn làm mát động cơ	Như yêu cầu	Sử dụng các kiểu bôi trơn khác, tuy nhiên phải đảm bảo chức năng hoạt động của hệ thống	Khác
1.10	Kiểu phun nhiên liệu	Bằng điều khiển điện tử/ hoặc bơm cao áp vòi phun	Như yêu cầu	Không áp dụng	Khác
1.11	Dung tích thùng	≥ 300 lít	Như yêu cầu	Không áp dụng	Khác
1.12	Tuốc bơm tăng áp	Có turbo tăng áp	Như yêu cầu	Có thiết kế	Khác

STT	NỘI DUNG YÊU CẦU KỸ THUẬT		ĐẠT	CHẤP NHẬN ĐƯỢC	KHÔNG ĐẠT
			cầu	công nghệ tương đương	
1.13	Tiêu chuẩn khí thải	≥ Euro 3	Như yêu cầu	Không áp dụng	Khác
2	Hộp số	Hộp số cơ khí tự động với ≥ 5 số tiến và ≥ 02 số lùi	Như yêu cầu	Không áp dụng	Khác
3	Hệ thống lái	Hệ thống lái bằng hai mạch thủy lực có trợ lực lái, tay lái thuận	Như yêu cầu	Không áp dụng	Khác
4	Hệ thống phanh				
4.1	Loại	Dẫn động phanh bằng khí nén hoặc thủy khí tác động lên tất cả các bánh xe	Như yêu cầu	Không áp dụng	Khác
4.2	Phanh công tác	Loại tang trống, guốc phanh hoặc phanh đĩa ở tất cả các bánh xe	Như yêu cầu	Không áp dụng	Khác
4.3	Phanh đỗ xe (Parking)	Phanh được thiết kế bằng lò xo tích năng tác động lên các trục	Như yêu cầu	Sử dụng các kiểu thiết kế khác, tuy nhiên phải đảm bảo chức năng hoạt động của hệ thống	Khác
4.4	Phanh động cơ	Có trang bị, theo thiết kế NSX	Như yêu cầu	Không áp dụng	Khác
5	Trục và bánh xe				
5.1	Công thức bánh xe	Đáp ứng đầy đủ chức năng truyền động và vận hành của xe theo thiết kế Nhà sản xuất	Như yêu cầu	Không áp dụng	Khác
5.2	Số trục	≥ 3 trục	Như yêu cầu	Không áp dụng	Khác
5.3	Khả năng chịu tải phân bố lên trục	Đáp ứng trọng tải và có khả năng chịu tải lớn nhất theo thiết kế nhà sản xuất	Như yêu cầu	Không áp dụng	Khác

STT	NỘI DUNG YÊU CẦU KỸ THUẬT		ĐẠT	CHẤP NHẬN ĐƯỢC	KHÔNG ĐẠT
5.4	Loại lớp	Đáp ứng đầy đủ chức năng của lớp xe theo thiết kế Nhà sản xuất	Như yêu cầu	Không áp dụng	Khác
5.5	Số bánh xe	Theo thiết kế Nhà sản xuất	Như yêu cầu	Không áp dụng	Khác
6	Hệ thống treo & Cân bằng				
6.1	Loại hệ thống treo	Thủy lực hoặc thủy khí với cơ chế điều chỉnh thẳng bằng	Như yêu cầu	Không áp dụng	Khác
6.2	Hệ thống cân bằng	Điện - Khí điều khiển xilanh cân bằng. Có chế độ lấy cân bằng tự động và thủ công.	Như yêu cầu	Không áp dụng	Khác
7	Khung chính và các dầm				
7.1	Khung chính và các dầm phụ	Khung gồm các trục kết cấu bằng thép cường độ cao, có khả năng chịu tải trọng theo thiết kế Nhà sản xuất	Như yêu cầu	Không áp dụng	Khác
7.2	Năm sản xuất	Từ năm 2025 về sau	Như yêu cầu	Không áp dụng	Khác
7.3	Chân chống cầu	- Dạng hình chữ H, có từ 04 chân chống trở lên, bộ điều khiển được bố trí phù hợp theo thiết kế NSX, có trang bị đồng hồ/chỉ báo báo cân bằng xe cầu. Khẩu độ chân chống tối đa theo phương ngang $\leq 8,5$ m, phương dọc $\leq 9,1$ m. - Có trang bị cảm biến báo vị trí tại tất cả các chân chống để tự động tính toán tải trọng cho phép khi cầu hoạt động và có ít nhất 4 vị trí	Như yêu cầu	Không áp dụng	Khác

STT	NỘI DUNG YÊU CẦU KỸ THUẬT	ĐẠT	CHẤP NHẬN ĐƯỢC	KHÔNG ĐẠT
8	Ca bin và nội thất bên trong ca bin	Như yêu cầu	Không áp dụng	Khác
9	Hệ thống điện	Như yêu cầu	Không áp dụng	Khác

STT	NỘI DUNG YÊU CẦU KỸ THUẬT		ĐẠT	CHẤP NHẬN ĐƯỢC	KHÔNG ĐẠT
10	Hệ thống đèn báo tín hiệu	Có đầy đủ hệ thống đèn báo/ đồng hồ báo tín hiệu trên ca bin buồng lái như số vòng quay động cơ xe, đồng hồ báo km và tốc độ di chuyển, đồng hồ tính giờ hoạt động của động cơ, đồng hồ báo áp suất nhớt động cơ, đồng hồ báo nhiệt độ nước làm mát, đồng hồ báo nhiệt độ dầu hộp số, đèn cảnh báo kiểm tra động cơ, đèn báo tín hiệu khi rẽ trái/ phải, đồng hồ báo mức nhiên liệu, có đèn quay báo hiệu xin ưu tiên, bộ cảnh báo lùi. Các đèn cảnh báo lỗi khác (Engine, Transmission Gear box...).	Như yêu cầu	Không áp dụng	Khác
11	Các trang bị bổ sung cần thiết	Thùng chứa dụng cụ, camera lùi, chế độ dừng khẩn cấp, và các trang bị khác.	Như yêu cầu	Không áp dụng	Khác
III	YÊU CẦU VỀ PHẦN CẦU (*)			Không áp dụng	
1	Động cơ phần cầu				
1.1	Thiết kế	Sử dụng riêng hoặc chung với động cơ xe nên	Như yêu cầu	Không áp dụng	Khác
1.2	Năm sản xuất	Từ năm 2025 trở về sau, mới và chưa qua sử dụng.	Như yêu cầu	Không áp dụng	Khác
1.3	Công suất tối đa tại số vòng quay lớn nhất	≥ 200 kW	Như yêu cầu	Không áp dụng	Khác
1.4	Mô men xoắn lớn nhất	≥ 780 N.m	Như yêu cầu	Không áp dụng	Khác

STT	NỘI DUNG YÊU CẦU KỸ THUẬT		ĐẠT	CHẤP NHẬN ĐƯỢC	KHÔNG ĐẠT
1.5	Loại động cơ	Động cơ Diesel 4 kỳ	Như yêu cầu	Không áp dụng	Khác
1.6	Số xy lanh	Từ 4 xy lanh đến 8 xy lanh	Như yêu cầu	Không áp dụng	Khác
1.7	Loại nhiên liệu	Diesel	Như yêu cầu	Không áp dụng	Khác
1.8	Hệ thống làm mát	Làm mát bằng nước hoặc chất lỏng, có van hằng nhiệt, két nước, quạt gió.	Như yêu cầu	Không áp dụng	Khác
1.9	Hệ thống bôi trơn	Bôi trơn cưỡng bức catte ướt, sử dụng dầu bôi trơn làm mát động cơ.	Như yêu cầu	Sử dụng các kiểu bôi trơn khác, tuy nhiên phải đảm bảo chức năng hoạt động của hệ thống.	Khác
1.10	Kiểu phun nhiên liệu	Bằng điều khiển điện tử/ hoặc bơm cao áp vòi phun.	Như yêu cầu	Không áp dụng	Khác
1.11	Dung tích thùng nhiên liệu	≥ 300 lít	Như yêu cầu	Không áp dụng	Khác
1.12	Tuốc bộ tăng áp	Tuốc bộ tăng áp	Như yêu cầu	Có thiết kế công nghệ tương đương	Khác
1.13	Tiêu chuẩn khí thải	≥ Euro 3	Như yêu cầu	Không áp dụng	Khác
2	Kết cấu khung quay toa	Chống xoắn, liên kết bằng hàn, kết cấu thép cường độ cao. Kết nối với nền xe bằng ổ lăn quay toa một dãy, có vành răng bên ngoài để quay liên tục 360°, có hệ thống bôi trơn trung tâm tự động.	Như yêu cầu	Không áp dụng	Khác
3	Hệ thống thủy lực	Hệ thống thủy lực được trang bị các loại bơm phục vụ đầy đủ cho các chức năng làm việc của cầu; được điều khiển công suất bằng bơm bằng	Như yêu cầu	Không áp dụng	Khác

STT	NỘI DUNG YÊU CẦU KỸ THUẬT		ĐẠT	CHẤP NHẬN ĐƯỢC	KHÔNG ĐẠT
		thủy lực và điện, có trang bị bộ làm mát bằng dầu.			
4	Hệ thống điều khiển	Điều khiển bằng điện, ≥ 02 cần điều khiển vận hành đồng bộ cho hoạt động của cầu và đầy đủ các chức năng làm việc khác.	Như yêu cầu	Không áp dụng	Khác
5	Hộp cần				
5.1	Hộp cần cầu chính	Số đoạn cần ≤ 7 đoạn, được làm từ thép cường độ cao, bao gồm 01 đoạn cần gốc cố định, các đoạn cần còn lại lồng vào nhau được điều khiển ra/vào bởi một xy lanh đơn.	Như yêu cầu	Không áp dụng	Khác
5.2	Chiều dài cần chính tối đa	$\geq 61m$	Như yêu cầu	Không áp dụng	Khác
5.3	Chiều cao lớn nhất của cần khi nâng cần chính với góc nâng lớn nhất	$\geq 61m$	Như yêu cầu	Không áp dụng	Khác
5.4	Bán kính lớn nhất làm việc của cầu ở chế độ cần chính	$\geq 56m$	Như yêu cầu	Không áp dụng	Khác
5.5	Tải trọng cho phép lớn nhất tại bán kính làm việc và chiều dài cần chính ngắn nhất với đối trọng lớn nhất	Đáp ứng được sức nâng lớn nhất của xe, theo thiết kế nhà sản xuất.	Như yêu cầu	Không áp dụng	Khác
5.6	Tải trọng cho phép lớn nhất tại bán kính lớn nhất, đối trọng lớn nhất và chiều dài cần chính lớn nhất	$\geq 0,9$ tấn	Như yêu cầu	Không áp dụng	Khác
5.7	Thời gian tối đa ra, vào hết tất cả các đoạn cần	$\leq 520s$	Như yêu cầu	Không áp dụng	Khác
5.8	Chiều dài cần phụ	$\geq 17m$	Như yêu cầu	Không áp dụng	Khác

STT	NỘI DUNG YÊU CẦU KỸ THUẬT		ĐẠT	CHẤP NHẬN ĐƯỢC	KHÔNG ĐẠT
5.9	Mỏ móc	- 01 mỏ phụ xoay được phù hợp với cáp, tời phụ; - 01 mỏ móc có 3 puly; - 01 mỏ móc có số puly ≥ 7 puly.	Như yêu cầu	Không áp dụng	Khác
6	Hệ thống nâng hạ cần				
6.1	Nâng, hạ cần bằng 1 hoặc 2 xi lanh thủy lực tác động hai chiều gắn liền với phanh và van chặn dầu.	Nâng, hạ cần bằng 1 hoặc 2 xi lanh thủy lực tác động hai chiều gắn liền với phanh và van chặn dầu. Góc nâng, hạ cần từ tối thiểu từ 0° đến $+81^\circ$	Như yêu cầu	Không áp dụng	Khác
6.2	Thời gian nâng cần tối đa (từ vị trí góc cần thấp nhất đến vị trí góc cần lớn nhất)	$\leq 60s$	Như yêu cầu	Không áp dụng	Khác
7	Hệ thống tời				
7.1	Hệ thống tời chính	Hệ thống tời chính dẫn động bằng mô-tơ piston hướng trục được gắn kết với bộ giảm tốc bánh răng hành tinh, phanh tời nhiều đĩa, điều khiển bằng điện - thủy lực. Có hệ thống camera tời hoặc gương và đèn tín hiệu. Tốc độ quay tối đa của tời chính ở chế độ không tải ≥ 110 m/phút, đường kính cáp $19 \leq \varnothing \leq 22$ mm	Như yêu cầu	Không áp dụng	Khác
7.2	Hệ thống tời phụ	Hệ thống tời chính dẫn động bằng mô-tơ piston hướng trục được gắn kết với bộ giảm tốc bánh răng hành tinh, phanh tời nhiều đĩa, điều	Như yêu cầu	Không áp dụng	Khác

STT	NỘI DUNG YÊU CẦU KỸ THUẬT	ĐẠT	CHẤP NHẬN ĐƯỢC	KHÔNG ĐẠT
8	Hệ thống điều khiển quay toa	Như yêu cầu	Không áp dụng	Khác
9	Đối trọng	Như yêu cầu	Không áp dụng	Khác
10	Ca bin buồng cầu	Như yêu cầu	Không áp dụng	Khác

STT	NỘI DUNG YÊU CẦU KỸ THUẬT	ĐẠT	CHẤP NHẬN ĐƯỢC	KHÔNG ĐẠT
	Cabin có thể điều chỉnh được độ nghiêng tối thiểu từ: 0°-15°			
11	Hệ thống điện	Như yêu cầu	Không áp dụng	Khác
12	Hệ thống đèn	Như yêu cầu	Không áp dụng	Khác
13	Cơ cấu an toàn, báo tải	Như yêu cầu	Không áp dụng	Khác

ts







STT	NỘI DUNG YÊU CẦU KỸ THUẬT		ĐẠT	CHẤP NHẬN ĐƯỢC	KHÔNG ĐẠT
		như: Quá tải, ngắt mô, giới hạn góc nghiêng cần, giới hạn số vòng cáp còn lại trên tời, hệ thống tự động chuẩn đoán lỗi.			
14	Các trang bị cần thiết khác	Bộ dừng động cơ khẩn cấp, quạt buồng cầu, máy lạnh, đồng hồ báo vòng quay tời, bộ làm mát dầu thủy lực, thùng chứa dụng cụ, đầu nối cáp tời dễ thay thế, bình cứu hỏa, có tích hợp bộ đo tốc độ gió vào hệ thống điều khiển đồng bộ theo xe	Như yêu cầu	Không áp dụng	Khác
15	Biểu đồ tải	Có đầy đủ biểu đồ tải cho tất cả cầu hình hiện có trên xe cầu, cài đặt phần mềm cho mọi biểu đồ tải và có sổ tay hướng dẫn sử dụng.	Như yêu cầu	Không áp dụng	Khác
IV	YÊU CẦU VỀ AN TOÀN, CHẤT LƯỢNG, HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG VÀ BẢO HÀNH (*)			Không áp dụng	
1	Chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) của nước xuất khẩu	Cam kết có khi giao hàng	Như yêu cầu	Không áp dụng	Khác
2	Chứng nhận chất lượng (C/Q) của Nhà sản xuất	Cam kết có khi giao hàng	Như yêu cầu	Không áp dụng	Khác
3	Giấy chứng nhận xuất xưởng (FAT)	Cam kết có khi giao hàng	Như yêu cầu	Không áp dụng	Khác

STT	NỘI DUNG YÊU CẦU KỸ THUẬT		ĐẠT	CHẤP NHẬN ĐƯỢC	KHÔNG ĐẠT
4	Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường	Cam kết có khi giao hàng	Như yêu cầu	Không áp dụng	Khác
5	Giấy chứng nhận kiểm định kỹ thuật an toàn phương tiện, bao gồm Biên bản kiểm định kiểm tra an toàn	Cam kết có khi giao hàng	Như yêu cầu	Không áp dụng	Khác
6	Bộ bảng cả số khung số máy	≥ 04 bộ	Như yêu cầu	Không áp dụng	Khác
7	Lý lịch phương tiện, thiết bị	Cam kết có khi giao hàng	Như yêu cầu	Không áp dụng	Khác
8	Tài liệu hướng dẫn sử dụng, vận hành và sửa chữa	03 tài liệu bộ đầy đủ cho xe nên và phần cầu: - Tài liệu hướng dẫn vận hành; - Tài liệu chi tiết các phụ tùng (Spare parts book); - Tài liệu hướng dẫn kiểm tra, sửa chữa các hệ thống của thiết bị (Service Manual, shop Manual...); File mềm của các tài liệu trên.	Như yêu cầu	Không áp dụng	Khác
9	Chế độ bảo hành	≥ 12 tháng	Như yêu cầu	Không áp dụng	Khác
10	Bộ dụng cụ phục vụ công tác bảo dưỡng sửa chữa.	Có, liệt kê chi tiết dụng cụ đồ nghề phục vụ công tác bảo dưỡng sửa chữa.	Như yêu cầu	Không áp dụng	Khác
11	Thủ tải các chế độ tải trọng theo sơ đồ tải tại Nhà máy	Có	Như yêu cầu	Không áp dụng	Khác
12	Nhà thầu cung cấp chuyên gia để thực hiện việc đào tạo cho đội ngũ nhân sự của Chi nhánh Cảng Dầu khí và Dịch vụ Năng lượng tái tạo về lắp đặt, chạy thử, vận hành, bảo dưỡng, và sửa chữa các sự cố thông	Cam kết thực hiện khi giao hàng	Như yêu cầu	Không áp dụng	Khác

STT	NỘI DUNG YÊU CẦU KỸ THUẬT	ĐẠT	CHẤP NHẬN ĐƯỢC	KHÔNG ĐẠT
	thường...trong thời gian tối thiểu 03 ngày làm việc tại công trường Chi nhánh Cảng Dầu khí và Dịch vụ Năng lượng tái tạo, và cấp chứng chỉ cho nhân sự tham gia đào tạo.			

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

- Bước 1. Xác định giá dự thầu (chưa tính giảm giá);
- Bước 2. Sửa lỗi (nếu có);
- Bước 3. Hiệu chỉnh sai lệch (nếu có);
- Bước 4. Xác định giá dự thầu sau khi sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch trừ đi giá trị giảm giá (nếu có)
- Bước 5. Xác định giá đánh giá:

Việc xác định giá đánh giá được thực hiện theo công thức sau đây:

STT	Nội dung	Căn cứ xác định
1	Xác định giá dự thầu	Giá nêu trong đơn dự thầu.
2	Sửa lỗi	
3	Hiệu chỉnh các sai lệch	
4	Giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch	Tổng của giá trị các nội dung (1)+(2)+(3)
5	Giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch trừ đi giá trị giảm giá (nếu có)	$G = \text{Giá trị nội dung (1)+(2)+(3)} - \text{Giá trị giảm giá (nếu có)}$
6	Đưa các chi phí về một mặt bằng (ΔG) so sánh theo các yếu tố dưới đây:	$\Delta G = \Delta G_1 + \Delta G_2 + \Delta G_3$
	a) Về điều kiện thương mại, tài chính (ΔG_1)	<p>Được xác định trên cơ sở đề xuất tạm ứng vốn của nhà thầu và tạm tính lãi suất là 12%/năm, cụ thể như sau:</p> $\Delta G_1 = GT \times DT \times 12\%/365$ <ul style="list-style-type: none"> ➤ DT: Thời gian thực hiện hợp đồng đề xuất kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực (ngày). Trường hợp nhà thầu đề xuất thực hiện hợp đồng theo nhiều đợt thì giá trị này được lấy theo thời gian thực hiện hợp đồng đề xuất của đợt cuối cùng ➤ GT: Giá trị yêu cầu ứng vốn của nhà thầu (không được vượt quá 20%)
	b) Về thời gian bảo hành (ΔG_2)	<p>Được xác định trên cơ sở đề xuất thời gian bảo hành của nhà thầu, cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> ➤ Thời gian bảo hành 12 tháng (theo yêu cầu): $\Delta G_2 = -(G) \times 0;$

STT	Nội dung	Căn cứ xác định
		<ul style="list-style-type: none"> ➤ Thời gian bảo hành 18 tháng: $\Delta G_2 = -(G) \times 1,5\%$; ➤ Thời gian bảo hành 24 tháng: $\Delta G_2 = -(G) \times 3\%$; ➤ Thời gian bảo hành 30 tháng: $\Delta G_2 = -(G) \times 4,5\%$; ➤ Thời gian bảo hành 36 tháng: $\Delta G_2 = -(G) \times 6\%$; Trong đó: ✓ (G): là Giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch trừ đi giá trị giảm giá (nếu có)
	c) Tải trọng lớn nhất (ΔG_3)	$\Delta G_3 = (1-G1/160) \times 100\% \times G$ Trong đó G1 là sức nâng lớn nhất tại bán kính nhỏ nhất.
7	Giá đánh giá G_{DG}	$G_{DG} = G + \Delta G$

- Bước 6. Xếp hạng nhà thầu:
HSDT có giá đánh giá thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Chương III. BIỂU MẪU MỜI THẦU

Mẫu số 01

ĐƠN DỰ THẦU

Tên gói thầu: “Mua sắm 01 xe cầu bánh lốp 145-160 tấn”.

Tên dự án: “Đầu tư xe cầu bánh lốp 145-160 tấn”.

Kính gửi: Chi nhánh Cảng Dầu khí và Dịch vụ Năng lượng tái tạo – Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam.

Sau khi nghiên cứu HSMT, chúng tôi:

Tên nhà thầu: Mã số thuế: cam kết thực hiện gói thầu “Mua sắm 01 xe cầu bánh lốp 145-160 tấn” theo đúng yêu cầu nêu trong HSMT với giá dự thầu (tổng số tiền) làVNĐ, bao gồm thuế và các loại thuế, phí khác (nếu có) cùng với các bảng tổng hợp giá dự thầu kèm theo.

Thời gian thực hiện: ngày.

Ngoài ra, chúng tôi tự nguyện giảm giá dự thầu với tỷ lệ phần trăm giảm giá là ____ [Ghi tỷ lệ giảm giá, nếu có].

Giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá là: ____ bao gồm toàn bộ thuế, phí, lệ phí (nếu có).

Hiệu lực của HSDT: ngày kể từ ngày ... tháng ... năm⁽¹⁾

Bảo đảm dự thầu: VNĐ (Bằng chữ:).⁽²⁾

Hiệu lực của Bảo đảm dự thầu: ngày kể từ ngày ... tháng ... năm⁽³⁾

Chúng tôi cam kết:

1. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản (không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đối với nhà thầu là hộ kinh doanh).

2. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu các gói thầu của Chủ đầu tư;

3. Những thông tin kê khai trong HSDT là trung thực.

4. Trường hợp được lựa chọn, HSDT và các văn bản bổ sung, làm rõ HSDT tạo thành thỏa thuận ràng buộc trách nhiệm giữa hai bên cho tới khi hợp đồng được ký kết.

5. Nếu HSDT của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 26 - CDNT của HSMT.

6. Có đủ năng lực, kinh nghiệm để thực hiện gói thầu.

....., ngày tháng năm

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ THẦU

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại Mục 14 - CDNT.

(2) Ghi theo quy định tại Mục 13.1 - CDNT.

(3) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại Mục 14 - CDNT.

THỎA THUẬN LIÊN DANH⁽¹⁾

Ngày: ____

Gói thầu: “Mua sắm 01 xe cầu bánh lốp 145-160 tấn”

Thuộc dự án: “Đầu tư xe cầu bánh lốp 145-160 tấn”

Căn cứ _____

Căn cứ HSMT Gói thầu “Mua sắm 01 xe cầu bánh lốp 145-160 tấn” với số E-TBMT: __ [Đăng tải trên Hệ thống]

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh thứ nhất: _____

Mã số thuế: _____;

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Tên thành viên liên danh thứ hai: _____

Mã số thuế: _____;

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

...

Tên thành viên liên danh thứ n: ____ [Hệ thống tự động trích xuất]

Mã số thuế: _____;

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu gói thầu “Mua sắm 01 xe cầu bánh lốp 145-160 tấn” thuộc dự án “Đầu tư xe cầu bánh lốp 145-160 tấn”.

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: ____ [*Ghi tên của liên danh*].

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với nhà thầu khác để tham gia gói thầu này. Trường hợp trúng thầu, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- *Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;*
- *Bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng;*
- *Hình thức xử lý khác ____ [*ghi rõ hình thức xử lý khác*].*

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu “Mua sắm 01 xe cầu bánh lốp 145-160 tấn” thuộc dự án “Đầu tư xe cầu bánh lốp 145-160 tấn” đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh:

Các bên nhất trí phân công _____ làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phân việc sau⁽²⁾:

- Sử dụng pháp nhân để nộp HSDT cho cả liên danh.
- [- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Chủ đầu tư, Bên mời thầu trong quá trình tham dự thầu, văn bản giải trình, làm rõ HSDT hoặc văn bản đề nghị rút HSDT;*
- *Thực hiện bảo đảm dự thầu cho cả liên danh;*
- *Tham gia quá trình đối chiếu tài liệu, hoàn thiện hợp đồng;*
- *Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;*
- *Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng ____ [*ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)*].*

2. Các thành viên trong liên danh thỏa thuận phân công trách nhiệm thực hiện công việc theo bảng dưới đây ⁽³⁾:

STT	Tên các thành viên trong liên danh	Nội dung công việc đảm nhận	Tỷ lệ % giá trị đảm nhận so với tổng giá dự thầu
1	Tên thành viên đứng đầu liên danh	- ____ - ____	- ____% - ____%
2	Tên thành viên thứ 2	- ____	- ____%

STT	Tên các thành viên trong liên danh	Nội dung công việc đảm nhận	Tỷ lệ % giá trị đảm nhận so với tổng giá dự thầu
		- ____	- ____%
....
Tổng cộng		Toàn bộ công việc của gói thầu	100%

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.
2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:
 - Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;
 - Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;
 - Nhà thầu liên danh không trúng thầu;
 - Hủy thầu gói thầu “Mua sắm 01 xe cầu bánh lốp 145-160 tấn” thuộc dự án “Đầu tư xe cầu bánh lốp 145-160 tấn” theo thông báo của Chủ đầu tư.

Thỏa thuận liên danh được lập trên sự chấp thuận của tất cả các thành viên.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH

[ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH

[ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phân độc lập thì trong thỏa thuận liên danh phải nêu rõ tên, số hiệu của các phần mà nhà thầu liên danh tham dự thầu, trong đó nêu rõ trách nhiệm chung và trách nhiệm riêng của từng thành viên liên danh đối với phần tham dự thầu.

(2) Việc phân công trách nhiệm bao gồm một hoặc nhiều công việc như đã nêu.

(3) Nhà thầu phải ghi rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện, trách nhiệm chung, trách nhiệm riêng của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng giá dự thầu theo Mẫu số 10, 11, 12, 13 Chương này hoặc theo các công việc thuộc quá trình sản xuất hạng mục trong bảng giá dự thầu, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này.

BẢO LÃNH DỰ THẦU⁽¹⁾

(Áp dụng đối với nhà thầu độc lập)

Bên thụ hưởng: Chi nhánh Cảng Dầu khí và Dịch vụ Năng lượng tái tạo – Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam

Ngày phát hành bảo lãnh: ___ [ghi ngày phát hành bảo lãnh]

BẢO LÃNH DỰ THẦU số: ___ [ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu]

Bên bảo lãnh: ___ [ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]

Chúng tôi được thông báo rằng ___ [ghi tên nhà thầu] (sau đây gọi là “Nhà thầu”) sẽ tham dự thầu để thực hiện gói thầu “Mua sắm 01 xe cầu bánh lốp 145-160 tấn” thuộc dự án “Đầu tư xe cầu bánh lốp 145-160 tấn”.

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho Nhà thầu bằng một khoản tiền là VNĐ (Bằng chữ:)⁽²⁾.

Bảo lãnh này có hiệu lực trong ngày, kể từ ngày tháng ... năm⁽³⁾.

Chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết⁽⁴⁾ sẽ thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Bên thụ hưởng một khoản tiền là VNĐ (Bằng chữ:) khi nhận được văn bản thông báo từ Bên thụ hưởng về vi phạm của Nhà thầu trong các trường hợp sau đây:

1. Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của HSDT, nhà thầu có văn bản rút HSDT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong HSDT theo yêu cầu của HSMT;

2. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 26 - CDNT;

3. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành thương thảo hợp đồng trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo mời đến thương thảo hợp đồng của Chủ đầu tư, trừ trường hợp bất khả kháng;

4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo kết quả của Chủ đầu tư, trừ trường hợp bất khả kháng;

5. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng.

Trường hợp Nhà thầu được lựa chọn, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Nhà thầu ký kết hợp đồng và nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Trường hợp Nhà thầu không được lựa chọn, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc trong vòng 30 ngày kể từ ngày hết thời hạn hiệu lực của HSDT, tùy theo thời điểm nào đến trước.

Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày đó.

Chúng tôi sẽ thanh toán cho Chủ Đầu tư theo Bảo lãnh dự thầu này trong vòng [ba (03)] ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo bằng văn bản của Chủ Đầu tư. Thuế hay các khoản phí khác phát sinh tại thời điểm thanh toán hay sau này sẽ không được tính/ trừ vào giá trị thanh toán cho Chủ Đầu tư.

Bảo lãnh thực hiện này được điều chỉnh và chi phối theo Pháp luật của nước Cộng hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam. Trong trường hợp phát sinh tranh chấp, nếu Bên Mua và Ngân hàng không tự giải quyết được, phán quyết của Tòa án nhân dân Tp. HCM sẽ là quyết định cuối cùng mà hai bên phải tuân thủ. Án phí sẽ do bên thua kiện chịu.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp bảo lãnh dự thầu vi phạm một trong các quy định như: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 13.2 - CDNT, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không phải là bản gốc, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi Chủ đầu tư phát hành HSMT hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư thì bảo lãnh dự thầu được coi là không hợp lệ. Bảo lãnh dự thầu này là bảo lãnh dự thầu không hủy ngang.

(2) Ghi theo quy định tại Mục 13.1 - CDNT.

(3) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại Mục 14 - CDNT.

(4) Trường hợp bảo lãnh dự thầu thiếu một hoặc một số cam kết trong các nội dung cam kết nêu trên thì bị coi là điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư theo quy định tại Mục 13.3 - CDNT và thư bảo lãnh được coi là không hợp lệ.

BẢO LÃNH DỰ THẦU⁽¹⁾*(Áp dụng đối với nhà thầu liên danh)*

Bên thụ hưởng: Chi nhánh Cảng Dầu khí và Dịch vụ Năng lượng tái tạo – Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam **Ngày phát hành bảo lãnh:** ___ [ghi ngày phát hành bảo lãnh]

BẢO LÃNH DỰ THẦU số: ___ [ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu]

Bên bảo lãnh: ___ [ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]

Chúng tôi được thông báo rằng _____ [ghi tên nhà thầu] (sau đây gọi là “Nhà thầu”) sẽ tham dự thầu để thực hiện gói thầu “Mua sắm 01 xe cầu bánh lốp 145-160 tấn” thuộc dự án “Đầu tư xe cầu bánh lốp 145-160 tấn”.

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho Nhà thầu bằng một khoản tiền là VNĐ (Bằng chữ:)⁽²⁾.

Bảo lãnh này có hiệu lực trong ngày, kể từ ngày tháng ... năm⁽³⁾.

Chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết⁽⁴⁾ sẽ thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Bên thụ hưởng một khoản tiền là VNĐ (Bằng chữ:) khi nhận được văn bản thông báo từ Bên thụ hưởng về vi phạm của Nhà thầu trong các trường hợp sau đây:

1. Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của HSDT, nhà thầu có văn bản rút HSDT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong HSDT theo yêu cầu của HSMT;

2. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 26 - CDNT;

3. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành thương thảo hợp đồng trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo mời đến thương thảo hợp đồng của Chủ đầu tư, trừ trường hợp bất khả kháng;

4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo kết quả của Chủ đầu tư, trừ trường hợp bất khả kháng;

5. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng.

6. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh ___ [ghi đầy đủ tên của nhà thầu liên danh] vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 13 CDNT của HSMT thì bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả.

Trường hợp Nhà thầu được lựa chọn, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Nhà thầu ký kết hợp đồng và nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Trường hợp Nhà thầu không được lựa chọn, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc trong

vòng 30 ngày kể từ ngày hết thời hạn hiệu lực của HSDT, tùy theo thời điểm nào đến trước.

Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày đó.

Chúng tôi sẽ thanh toán cho Chủ Đầu tư theo Bảo lãnh dự thầu này trong vòng [ba (03)] ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo bằng văn bản của Chủ Đầu tư. Thuế hay các khoản phí khác phát sinh tại thời điểm thanh toán hay sau này sẽ không được tính/ trừ vào giá trị thanh toán cho Chủ Đầu tư.

Bảo lãnh thực hiện này được điều chỉnh và chi phối theo Pháp luật của nước Cộng hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam. Trong trường hợp phát sinh tranh chấp, nếu Bên Mua và Ngân hàng không tự giải quyết được, phán quyết của Tòa án nhân dân Tp. HCM sẽ là quyết định cuối cùng mà hai bên phải tuân thủ. Án phí sẽ do bên thua kiện chịu.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp bảo lãnh dự thầu vi phạm một trong các quy định như: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 13.2 - CDNT, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không phải là bản gốc, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi Chủ đầu tư phát hành HSMT hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư thì bảo lãnh dự thầu được coi là không hợp lệ. Bảo lãnh dự thầu này là bảo lãnh dự thầu không hủy ngang.

(2) Ghi theo quy định tại Mục 13.1 - CDNT.

(3) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại Mục 14 - CDNT.

(4) Trường hợp bảo lãnh dự thầu thiếu một hoặc một số cam kết trong các nội dung cam kết nêu trên thì bị coi là điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư theo quy định tại Mục 13.3 - CDNT và thư bảo lãnh được coi là không hợp lệ.

HỢP ĐỒNG DO NHÀ THẦU THỰC HIỆN⁽¹⁾

Tên nhà thầu: _____ [ghi tên đầy đủ của nhà thầu].

Thông tin về từng hợp đồng, mỗi hợp đồng cần bảo đảm các thông tin sau đây:

Tên và số hợp đồng	[ghi tên đầy đủ của hợp đồng, số ký hiệu]		
Ngày ký hợp đồng	[ghi ngày, tháng, năm]		
Ngày hoàn thành	[ghi ngày, tháng, năm]		
Giá hợp đồng ⁽³⁾	[ghi tổng giá hợp đồng theo số tiền và đồng tiền đã ký]		Tương đương ____ VNĐ
Trường hợp là thành viên liên danh, ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh và giá trị phần hợp đồng mà nhà thầu đảm nhận	[ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh]	[ghi phần trăm giá trị phần hợp đồng đảm nhận trong tổng giá hợp đồng; số tiền và đồng tiền đã ký]	Tương đương ____ VNĐ
Tên dự án/dự toán mua sắm:	[ghi tên đầy đủ của dự án/dự toán mua sắm có hợp đồng đang kê khai]		
Tên Chủ đầu tư:	[ghi tên đầy đủ của Chủ đầu tư trong hợp đồng đang kê khai]		
Địa chỉ:	[ghi đầy đủ địa chỉ hiện tại của Chủ đầu tư]		
Điện thoại/fax:	[ghi số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã vùng]		
E-mail:	[ghi địa chỉ e-mail]		
Mô tả tính chất hàng hóa/ dịch vụ theo quy định tại Mục 2.1 Chương II⁽²⁾			
1. Loại hàng hóa	[ghi thông tin phù hợp]		
2. Về giá trị hợp đồng đã thực hiện ⁽³⁾	[ghi giá trị hợp đồng thực tế đã thực hiện căn cứ theo giá trị nghiệm thu, thanh lý hợp đồng]		
3. Về quy mô thực hiện	[ghi quy mô theo hợp đồng]		
4. Các đặc tính khác	[ghi các đặc tính khác nếu cần thiết]		

Ghi chú:

Nhà thầu nghiên cứu kỹ HSMT và đề xuất các hợp đồng khác nhau để bảo đảm đáp ứng yêu cầu của HSMT.

(1) Trong trường hợp liên danh, từng thành viên trong liên danh kê khai theo Mẫu này. Trường hợp nhà thầu có nhiều hợp đồng tương tự thì kê khai từng hợp đồng theo Mẫu này.

(2) Nhà thầu chỉ kê khai nội dung tương tự với yêu cầu của gói thầu.

(3) Trường hợp giá trị hợp đồng không tính bằng VNĐ thì quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá quy định tại Mục 2.1 Chương II để làm cơ sở đánh giá.

HỢP ĐỒNG KHÔNG HOÀN THÀNH TRONG QUÁ KHỨ⁽¹⁾

Các hợp đồng không hoàn thành trong quá khứ theo quy định tại Mục 2.1 Chương II.

Không có hợp đồng nào đã ký nhưng không thực hiện kể từ ngày 01 tháng 01 năm__ theo quy định tại tiêu chí đánh giá trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm Mục 2.1 Chương II.

Có hợp đồng đã ký nhưng không hoàn thành tính từ ngày 01 tháng 01 năm__ theo quy định tại tiêu chí đánh giá trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm Mục 2.1 Chương II; kể cả trường hợp nhà thầu vi phạm quy định của Hồ sơ mời thầu và bị tịch thu bảo đảm dự thầu đối với các gói thầu của Chủ đầu tư trong thời gian 12 tháng trước thời điểm đóng thầu do vi phạm một trong các quy định dưới đây.

- Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của HSDT, nhà thầu có văn bản rút HSDT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong HSDT theo yêu cầu của HSMT;
- Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định;
- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành thương thảo hợp đồng theo quy định, trừ trường hợp bất khả kháng;
- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng theo quy định, trừ trường hợp bất khả kháng;
- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng theo quy định, trừ trường hợp bất khả kháng.

STT	Năm	Phần việc hợp đồng không hoàn thành	Mô tả hợp đồng	Chủ đầu tư	Địa chỉ	Nguyên nhân	Tổng giá trị hợp đồng
1							
2							
...							

Ghi chú:

(1) Nhà thầu phải kê khai chính xác, trung thực các hợp đồng không hoàn thành trong quá khứ; nếu Bên mời thầu phát hiện bất cứ nhà thầu nào có hợp đồng không hoàn thành trong quá khứ mà không kê khai thì được coi là hành vi “gian lận” và HSDT sẽ bị loại. Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên kê khai theo Mẫu này.

BẢNG ĐỀ XUẤT NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

Nhà thầu phải kê khai những nhân sự chủ chốt theo quy định tại Mục 2.2 Chương II và phải chứng minh khả năng sẵn sàng huy động các nhân sự này để tham gia thực hiện gói thầu. Nhân sự chủ chốt có thể thuộc biên chế của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động.

Trường hợp nhân sự chủ chốt mà nhà thầu kê khai trong HSDT không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động nhân sự (bao gồm cả trường hợp nhân sự đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này), Chủ đầu tư cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng vị trí nhân sự trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự thay thế đáp ứng yêu cầu của HSMT thì nhà thầu bị loại. Trong mọi trường hợp, nếu nhà thầu kê khai nhân sự không trung thực thì nhà thầu không được thay thế nhân sự khác, HSDT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận và bị xử lý theo quy định.

STT	Họ và Tên	Vị trí công việc
1		<i>[ghi cụ thể vị trí công việc đảm nhận trong gói thầu]</i>
2		
...		

BẢNG LÝ LỊCH CHUYÊN MÔN CỦA NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

Thông tin nhân sự		Công việc hiện tại									
Stt	Tên	Căn cước công dân/Hộ chiếu	Vị trí	Ngày, tháng, năm sinh	Chứng chỉ/Trình độ chuyên môn	Tên người sử dụng lao động	Địa chỉ của người sử dụng lao động	Chức danh	Số năm làm việc cho người sử dụng lao động hiện tại	Người liên lạc (trưởng phòng / cán bộ phụ trách nhân sự)	Điện thoại/ Fax/ Email
1	[ghi tên nhân sự chủ chốt 1]										
2	[ghi tên nhân sự chủ chốt 2]										
...											
n	[ghi tên nhân sự chủ chốt n]										

Nhà thầu phải cung cấp tất cả các thông tin được yêu cầu và chuẩn bị tài liệu để đối chiếu (bản chụp được chứng thực các văn bản, chứng chỉ có liên quan) trong quá trình đối chiếu tài liệu.

BẢNG KINH NGHIỆM CHUYÊN MÔN

STT	Tên nhân sự chủ chốt	Từ ngày	Đến ngày	Công ty/Dự án/Chức vụ/ Kinh nghiệm chuyên môn và quản lý có liên quan
1	[ghi tên nhân sự chủ chốt 1]
2				
...	...			

(Handwritten mark)

2

(Handwritten signatures)

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA NHÀ THẦU⁽¹⁾

Tên nhà thầu: _____

Ngày: _____

Tên thành viên của nhà thầu liên danh (nếu có): _____

Năm tài chính của nhà thầu từ ngày ___ tháng ___ đến ngày ___ tháng ___ (nhà thầu điền nội dung này)			
Số liệu tài chính trong các năm gần nhất theo yêu cầu của HSMT			
	Năm 1:.....	Năm 2:.....	Năm 3:
Tổng tài sản			
Tổng nợ			
Giá trị tài sản ròng			
Doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT)			
Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) ⁽²⁾			
Lợi nhuận trước thuế			
Lợi nhuận sau thuế			

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

(2) Để xác định doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT), nhà thầu chia tổng doanh thu của các năm (không bao gồm thuế VAT) cho số năm dựa trên thông tin đã được cung cấp.

Doanh thu hằng năm được tính bằng tổng doanh thu trong báo cáo tài chính của năm đó (chưa bao gồm thuế VAT).

Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = tổng doanh thu từng năm (không bao gồm thuế VAT) theo yêu cầu của HSMT/số năm.

Trường hợp nhà thầu mới thành lập không đủ số năm theo yêu cầu của HSMT thì Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên cơ sở số năm

mà nhà thầu có số liệu tài chính.

Doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được trích xuất từ hồ sơ năng lực của nhà thầu. Nhà thầu phải chuẩn bị các tài liệu để đối chiếu các thông tin mà nhà thầu kê khai như sau:

Bản sao các báo cáo tài chính (các bảng cân đối kế toán bao gồm tất cả thuyết minh có liên quan, và các báo cáo kết quả kinh doanh) cho các năm như đã nêu trên, tuân thủ các điều kiện sau:

1. Phản ánh tình hình tài chính của nhà thầu hoặc thành viên liên danh (nếu là nhà thầu liên danh) mà không phải tình hình tài chính của một chủ thể liên kết như công ty mẹ liên kết với công ty con hoặc công ty liên kết với nhà thầu hoặc thành viên liên danh.

2. Các báo cáo tài chính phải hoàn chỉnh, đầy đủ nội dung theo quy định.

3. Các báo cáo tài chính phải tương ứng với các kỳ kế toán đã hoàn thành kèm theo bản chụp được chứng thực một trong các tài liệu sau đây:

- Biên bản kiểm tra quyết toán thuế (nếu có);
- Tờ khai tự quyết toán thuế (thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp) có xác nhận của cơ quan thuế về thời điểm đã nộp tờ khai;
- Tài liệu chứng minh việc nhà thầu đã kê khai quyết toán thuế điện tử;
- Văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế (xác nhận số nộp cả năm) về việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế;
- Báo cáo kiểm toán (nếu có);
- Các tài liệu khác.

Các tài liệu trên đây phải phù hợp với số liệu nhà thầu đã kê khai trên Hệ thống Thuế điện tử tại thời điểm đóng thầu.

BẢNG TIẾN ĐỘ CUNG CẤP

Nhà thầu đề xuất tiến độ cung cấp phù hợp với yêu cầu của Chủ đầu tư

Stt	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng	Địa điểm giao hàng	Ngày giao hàng muộn nhất <i>[ghi số ngày: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc kể từ ngày chủ đầu tư yêu cầu giao hàng đối với trường hợp giao hàng nhiều lần]</i>	Ngày giao hàng do nhà thầu đề xuất <i>[ghi số ngày: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc kể từ ngày chủ đầu tư yêu cầu giao hàng đối với trường hợp giao hàng nhiều lần]</i>
1	Xe cầu bánh lốp 145-160 tấn	Xe	01	Số 65A đường 30/4, P. Rach Dừa, Tp. Hồ Chí Minh	210 ngày	

Handwritten mark

Handwritten mark

Handwritten signature

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ DỰ THẦU

STT	Nội dung	Giá dự thầu
1	Giá dự thầu của hàng hóa	(M) [Trích xuất từ Mẫu số 11]
2	Dịch vụ liên quan	(I) [Trích xuất từ Mẫu số 12]
	Tổng cộng giá dự thầu (Kết chuyển sang đơn dự thầu)	(M) + (I)

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ THẦU
(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

BẢNG GIÁ DỰ THẦU CỦA HÀNG HÓA
(Áp dụng loại hợp đồng trọn gói)

STT	Danh mục yêu cầu	Đơn vị tính	Khối lượng	Danh mục giá dự thầu	Ký mã hiệu, nhãn hiệu	Hãng sản xuất, xuất xứ	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(4)x(8)
1	Xe cầu bánh lốp 145-160 tấn (Theo các yêu cầu trong HSMT)	Xe	01					
Tổng chưa bao gồm VAT								
Thuế VAT (.....%)								
TỔNG CỘNG bao gồm thuế VAT% (Kết chuyển sang bảng tổng hợp giá dự thầu)								
								(M)

Ghi chú: - Nhà thầu nêu rõ mức thuế VAT trong biểu giá dự thầu.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ THẦU
(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

BẢNG GIÁ DỰ THẦU CHO CÁC DỊCH VỤ LIÊN QUAN

(Áp dụng loại hợp đồng trọn gói)

STT	Mô tả dịch vụ yêu cầu	Đơn vị tính	Khối lượng	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(4)x(7)
1	Chi phí vận chuyển nội địa đến công trường của Chi nhánh Cảng Dầu khí và Dịch vụ Năng lượng tái tạo	Lần	1	Số 65A, Đường 30/4, Phường Rạch Dừa Tp.HCM	... ngày kể từ ngày ký hợp đồng		
2	Chi phí lắp đặt, đấu nối, kiểm tra, vận hành, chạy thử, kiểm định, nghiệm thu, hướng dẫn vận hành theo yêu cầu	Lần	1	Số 65A, Đường 30/4, Phường Rạch Dừa Tp.HCM	... ngày kể từ ngày ký hợp đồng		
3	Các chi phí dịch vụ khác có liên quan (nếu có).	Lần	1	Số 65A, Đường 30/4, Phường Rạch Dừa Tp.HCM	... ngày kể từ ngày ký hợp đồng		
Tổng chưa bao gồm VAT							
Thuế VAT (...%)							
TỔNG CỘNG bao gồm thuế VAT ...% (Kết chuyển sang bảng tổng hợp giá dự thầu)							
							(1)

Ghi chú: - Nhà thầu nêu rõ mức thuế VAT trong biểu giá dự thầu.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ THẦU

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

**BẢNG GIÁ VẬT TƯ, PHỤ TÙNG THAY THẾ TRONG 1 NĂM VẬN HÀNH
THEO ĐỀ XUẤT CỦA NHÀ SẢN XUẤT**

(Không bao gồm trong Giá dự thầu)

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Khối lượng	Ký mã hiệu, nhãn hiệu	Hãng sản xuất, xuất xứ	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(4)x(7)
	Tổng chưa bao gồm VAT						
	Thuế VAT (...%)						
	TỔNG CỘNG bao gồm thuế VAT ...%						
	<i>(Không kết chuyển giá trị tại bảng này sang bảng tổng hợp giá dự thầu)</i>						

Ghi chú: - Nhà thầu nêu rõ mức thuế VAT trong biểu giá dự thầu.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ THẦU

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

BẢNG GIÁ CHI PHÍ KIỂM TRA HÀNG HÓA TẠI NHÀ MÁY CỦA NHÀ SẢN XUẤT (FACTORY ACCEPTANCE TEST (FAT))
 (Không bao gồm trong Giá dự thầu)

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)x(5)
1	Chi phí hướng dẫn				
2	Chi phí đi lại				
3	Chi phí chỗ ở				
4	Chi phí ăn uống				
5				
Tổng chưa bao gồm VAT					
Thuế VAT (...%)					
TỔNG CỘNG bao gồm thuế VAT ...%					
(Không kết chuyển giá trị tại bảng này sang bảng tổng hợp giá dự thầu)					

Ghi chú: - Nhà thầu nêu rõ mức thuế VAT trong biểu giá dự thầu.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ THẦU
 (Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

HỢP ĐỒNG MUA BÁN
(Số: _____-2026/PTSC-CDV/MHH)

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Gói thầu: “Mua sắm 01 xe cầu bánh lốp 145-160 tấn”
Thuộc dự án: “Đầu tư xe cầu bánh lốp 145-160 tấn”

Căn cứ nhu cầu mua của Chi nhánh Cảng Dầu khí và Dịch vụ Năng lượng tái tạo – Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam và khả năng cung cấp của Công ty

Căn cứ Quyết định số /QĐ-CDV ngày .../.../..... của Giám đốc Chi nhánh Cảng Dầu khí và Dịch vụ Năng lượng tái tạo – Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu “Mua sắm 01 xe cầu bánh lốp 145-160 tấn” và Thông báo chấp thuận hồ sơ dự thầu và trao hợp đồng số - 2026/PTSC- CDV/MHH ngày .../.../20...;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A)

Tên Chủ đầu tư: **Chi nhánh Cảng Dầu khí và Dịch vụ Năng lượng tái tạo – Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam**

Địa chỉ: Số 65 A, Đường 30/4, Phường Rạch Dừa, Tp.HCM.

Điện thoại: 0254 – 3838 104

Fax: 0254 – 3838 313

E-mail: ptscsupplybase@hcm.vnn.vn

Tài khoản: 0081000004673 tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương, CN Vũng Tàu

Mã số thuế: 0100150577-033

Đại diện là Ông:

Chức vụ: Giám đốc Công ty

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

Tên Nhà thầu:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

E-mail:

Tài khoản:

Mã số thuế:

Đại diện là:

Chức vụ:

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng với các nội dung sau:







Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Bên A giao cho Bên B thực hiện việc cung cấp hàng hóa và dịch vụ theo danh mục được nêu chi tiết tại các Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng (kèm theo các Phụ lục và các tài liệu kèm theo);
2. Thư chấp thuận Hồ sơ dự thầu và trao hợp đồng;
3. Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng (nếu có);
4. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
5. Hồ sơ dự thầu và các văn bản làm rõ của Bên B (nếu có);
6. Hồ sơ mời thầu và các tài liệu sửa đổi (nếu có);
7. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

Điều 3. Luật và ngôn ngữ:

Luật điều chỉnh hợp đồng là luật Việt Nam, ngôn ngữ của hợp đồng là tiếng Việt, đối với các yêu cầu kỹ thuật có thể sử dụng ngôn ngữ bằng Tiếng Anh.

Điều 4. Trách nhiệm của Bên A

Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng và phương thức thanh toán quy định tại Điều 6 của hợp đồng này cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định trong hợp đồng.

Điều 5. Trách nhiệm của Bên B

Bên B cam kết cung cấp cho Bên A đầy đủ các loại hàng hóa và dịch vụ liên quan như quy định tại Điều 1 của hợp đồng này, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong hợp đồng.

Điều 6. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Giá hợp đồng: VNĐ (Bằng chữ:), đã bao gồm thuế GTGT 10% và các loại thuế, phí khác. Trường hợp thuế GTGT thay đổi theo quy định của cơ quan quản lý nhà nước tại thời điểm xuất hóa đơn thì Bên A và Bên B ký phụ lục hợp đồng điều chỉnh tương ứng.

2. Phương thức thanh toán:

Bên A sẽ thanh toán cho Bên B 100% giá trị Hợp đồng trong vòng 30 ngày kể từ ngày Hai bên hoàn tất bàn giao nghiệm thu Hàng hóa theo đúng quy định của Hợp đồng, Phụ lục kèm theo của Hợp đồng này và Bên B giao cho Bên A đầy đủ bộ hồ sơ thanh toán hợp lệ, cụ thể như sau:

- a. Bản gốc **Biên bản nghiệm thu - bàn giao Hàng hóa** (sau khi lắp đặt, chạy thử) được ký giữa đại diện của Hai Bên để xác nhận việc Hàng hóa đã được Bên B bàn giao và Bên A đã nhận Hàng hóa theo đúng quy định của Hợp đồng, Phụ lục 01 và 02 của Hợp đồng này.
- b. Một bản gốc bảo lãnh bảo hành với số tiền 5% tổng giá trị Hợp đồng được Bên A chấp nhận do Ngân hàng có uy tín của Bên B phát hành.
- c. Một bộ bản gốc hóa đơn thuế GTGT hợp lệ với giá trị tương ứng 100% giá trị Hợp đồng.
- d. Một bản gốc công văn đề nghị thanh toán của Bên B.

3. Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.

4. Đồng tiền thanh toán: Đồng Việt Nam.

tb



Điều 7. Loại hợp đồng: Trọn gói

Điều 8. Thời gian thực hiện hợp đồng:

Thời gian thực hiện hợp đồng: trong vòng ngày kể từ ngày hiệu lực hợp đồng. Thời gian thực hiện hợp đồng được hiểu là thời gian để nhà thầu hoàn thành toàn bộ việc giao hàng, lắp đặt, đấu nối, kiểm tra, vận hành, chạy thử, nghiệm thu hàng hóa đưa vào sử dụng theo quy định hợp đồng. Hàng hóa giao trước hạn được chấp thuận.

Điều 9. Hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng

1. Việc hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau:
- Bổ sung hạng mục công việc, hàng hóa hoặc dịch vụ cần thiết ngoài phạm vi công việc quy định trong hợp đồng.

- Thay đổi phương thức vận chuyển hoặc đóng gói.

- Thay đổi địa điểm giao hàng.

- Thay đổi thời gian thực hiện hợp đồng.

- Thay đổi do trường hợp bất khả kháng.

2. Trường hợp phát sinh các hạng mục công việc ngoài phạm vi hợp đồng, Bên A và Bên B sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng.

Điều 10. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

1. Bên B phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu sau:

- Thời hạn nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng: Trước khi hợp đồng có hiệu lực.

- Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng theo hình thức thư bảo lãnh do Ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành. Trường hợp Bên B nộp Thư bảo lãnh của Ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành thì phải là bảo đảm không có điều kiện (trả tiền khi có yêu cầu, theo Mẫu số 15 Chương III của Hồ sơ mời thầu).

- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 5% giá hợp đồng, tương đương trị giáVNĐ (Bằng chữ:).

- Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải có hiệu lực cho đến khi toàn bộ hàng hóa được bàn giao, hai Bên ký biên bản nghiệm thu và Bên B chuyển sang nghĩa vụ bảo hành theo quy định. Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải có thời hạn tối thiểu ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

2. Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được trả cho Bên A khi Bên B không hoàn thành nghĩa vụ và trách nhiệm của mình theo hợp đồng làm phát sinh thiệt hại cho Bên A; Bên B thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

3. Bên A phải hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Bên B trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày hàng hóa được bàn giao, hai Bên ký biên bản nghiệm thu và Bên B chuyển sang nghĩa vụ bảo hành theo quy định.

Điều 11. Chấm dứt hợp đồng

1. Bên A hoặc Bên B có thể chấm dứt hợp đồng nếu một trong hai bên có vi phạm cơ bản về hợp đồng như sau:

a) Bên B không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Bên A gia hạn;

b) Bên B bị phá sản, giải thể;

c) Các hành vi khác: Khắc phục các tồn đọng trong quá trình nghiệm thu quá 30 ngày kể từ ngày phát hiện tồn đọng.

2. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm a khoản 1 Điều này, Bên A có thể ký hợp đồng với nhà thầu khác để thực hiện phần hợp đồng mà Bên B đã không thực hiện. Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng này. Tuy nhiên, Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng mà mình đang thực hiện và chịu trách nhiệm bảo hành phần hợp đồng đó.

3. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm b khoản 1 Điều này, Bên A không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Bên A được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.

Điều 12. Tính hợp lệ của hàng hóa

Bên B phải nêu rõ xuất xứ của hàng hóa; ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm và các tài liệu kèm theo để chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa và phải tuân thủ các quy định về tiêu chuẩn hiện hành tại quốc gia hoặc vùng lãnh thổ mà hàng hóa có xuất xứ.

Điều 13. Cung cấp, vận chuyển, kiểm tra và thử nghiệm hàng hóa

1. Bên B phải cung cấp hàng hóa và giao các tài liệu, chứng từ (kèm theo) theo tiến độ quy định tại Điều 8 hợp đồng này.

2. Đóng gói hàng hóa: Bên B sẽ phải đóng gói hàng hóa đúng yêu cầu nêu trong hợp đồng phù hợp với từng loại phương tiện vận chuyển để chuyển hàng hóa từ nơi xuất hàng đến địa điểm giao hàng quy định. Việc đóng gói phải đảm bảo hàng hóa không bị hư hỏng do va chạm trong khi bốc dỡ vận chuyển và các tác động khác của môi trường. Kích thước và trọng lượng của mỗi kiện hàng phải tính đến điều kiện vận chuyển như khoảng cách, phương tiện vận chuyển, điều kiện cơ sở hạ tầng... từ nơi xuất hàng đến địa điểm giao hàng quy định.

3. Yêu cầu về vận chuyển hàng hóa: Bên B sẽ chịu trách nhiệm vận chuyển, bàn giao, lắp đặt, kiểm tra, chạy thử và nghiệm thu hàng hóa tại kho của Bên A tại Chi nhánh Cảng Dầu khí và Dịch vụ Năng lượng tái tạo – Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam, Số 65A, Đường 30/4, Phường Rạch Dừa, Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi là “Địa điểm giao hàng”).

4. Bên A có trách nhiệm chuẩn bị mặt bằng, cơ sở hạ tầng lắp đặt hàng hóa trước khi hàng hóa về tới công trình dựa trên các thông tin mà Bên B cung cấp, bao gồm: mặt bằng lắp đặt, móng thiết bị, đường ống công nghệ kết nối với thiết bị, đường điện nguồn cấp tới điểm đấu nối của tủ điện trong máy nếu cần.

5. Trường hợp Bên A chưa hoàn tất công tác chuẩn bị cho việc lắp đặt, chạy thử, nghiệm thu theo yêu cầu, Bên B sẽ không bị tính thời gian chậm lắp đặt chạy thử, nghiệm thu theo quy định hợp đồng.

6. Trước thời gian giao hàng tám (08) giờ làm việc, Bên B có trách nhiệm thông báo chính xác thời điểm giao hàng để Bên A chuẩn bị nhân lực, phương tiện, bến bãi để kiểm tra tiếp nhận. Đồng thời, Bên A xác nhận ngày nghiệm thu và cung cấp danh sách nhân sự có thẩm quyền và nhiệm vụ nhận bàn giao và hướng dẫn vận hành, chạy thử. Ngoài ra trong vòng 01 tuần sau ngày hiệu lực hợp đồng, Bên B phải gửi Bên A bảng theo dõi tiến độ thực hiện hợp đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Bên B có trách nhiệm báo cáo tiến độ chi tiết cho Bên A 2 tuần/ lần và cung cấp các tài liệu, hình ảnh chứng minh cho tiến độ mà Bên B báo cáo.

7. Bên B chịu mọi trách nhiệm và chi phí để thực hiện việc vận chuyển Hàng hóa đến, hạ, giao hàng, lắp đặt và nghiệm thu hàng hóa đưa vào sử dụng tại Địa điểm giao hàng theo quy định hợp đồng.

8. Bên A chịu trách nhiệm tổ chức kiểm tra tiếp nhận hàng hóa ngay sau khi Bên B giao Hàng. Bên A cung cấp các thiết bị mà Bên A có để phục vụ cho việc chạy thử, nghiệm

thu thiết bị tại Địa điểm giao hàng.

9. Bên B đảm bảo trang bị đầy đủ bảo hộ lao động, các phương tiện thiết bị bảo đảm an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp và phòng chống cháy nổ cho con người, thiết bị trong quá trình lắp đặt và chạy thử, nghiệm thu. Chịu sự giám sát và nghiêm túc tuân thủ chỉ dẫn, yêu cầu của giám sát an toàn Bên A trong việc đảm bảo an toàn lao động, an toàn phòng chống cháy nổ, giữ vệ sinh môi trường từ khi giao hàng đến khi hoàn tất việc nghiệm thu và bàn giao hàng hóa. Đảm bảo người của Bên B tham gia lắp đặt, nghiệm thu tại công trường của Bên A phải được tham gia đầy đủ các khóa huấn luyện an toàn, học an toàn đầu giờ, định kỳ hàng tuần. Phối hợp với Bên A giữ gìn an ninh trật tự trong khu vực thi công. Bên B phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về công tác đảm bảo an toàn trên công trường của Bên A cho tất cả các thiệt hại, hư hỏng, mất mát về vật tư, thiết bị, máy móc và con người... do lỗi của Bên B gây ra.

10. Hai Bên sẽ cử cán bộ tham gia kiểm tra, nghiệm thu hàng hóa tại Địa điểm giao hàng để đảm bảo hàng hóa có đặc tính kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của hợp đồng. Hàng hóa chỉ được xem là đạt yêu cầu khi hai Bên xác định là hàng hóa hoàn toàn đáp ứng được các yêu cầu được quy định trong hợp đồng. Mọi chi phí cho việc kiểm tra, nghiệm thu hàng hóa sẽ do Bên B chịu.

11. Nếu tại thời điểm giao hàng và/hoặc trong quá trình kiểm tra, nghiệm thu và/hoặc sau khi bàn giao mà Bên A phát hiện Bên B giao hàng không đúng quy định và/hoặc hàng hóa có bất kỳ điểm sai khác nào so với chủng loại, đặc tính kỹ thuật quy định trong hợp đồng và/hoặc có bất kỳ sự hư hỏng, khiếm khuyết, ẩn tì, sai khác nào vô tình hay cố ý, Bên A có quyền không xác nhận nghiệm thu hàng hóa. Trong trường hợp này, Bên B phải thực hiện khắc phục sai khác, thay thế hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật, bàn giao lại cho Bên A và phải chịu phạt như quy định trong hợp đồng. Trường hợp Bên B không có khả năng khắc phục sai khác, thay thế hay điều chỉnh các hàng hóa không phù hợp, Bên A có quyền tổ chức việc thay thế hay điều chỉnh nếu thấy cần thiết, mọi rủi ro và chi phí liên quan do Bên B chịu. Việc thực hiện kiểm tra, nghiệm thu hàng hóa của Bên A không dẫn đến miễn trừ nghĩa vụ bảo hành hay các nghĩa vụ khác theo hợp đồng của Bên B.

Điều 14. Bản quyền và bảo hiểm hàng hóa

1. Bên B phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về mọi thiệt hại phát sinh do việc khiếu nại của bên thứ ba về việc vi phạm bản quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến hàng hóa mà Bên B đã cung cấp cho Bên A.

2. Hàng hóa do Bên B cung cấp phải được bảo hiểm đầy đủ bằng đồng tiền có thể tự do chuyển đổi để bù đắp những mất mát, tổn thất bất thường trong quá trình sản xuất, vận chuyển, lưu kho và giao hàng theo những nội dung được quy định trong hợp đồng.

Điều 15. Bảo hành

1. Bên B bảo đảm rằng hàng hóa được cung cấp theo hợp đồng là mới, chưa sử dụng, đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn chế tạo và sẽ không có các khuyết tật nảy sinh dẫn đến bất lợi trong quá trình sử dụng hàng hóa.

2. Yêu cầu về bảo hành đối với hàng hóa như sau: Thời hạn bảo hành là ... tháng được tính kể từ khi hàng hóa được bàn giao, nghiệm thu. Trong vòng 03 (ba) ngày kể từ khi Bên A thông báo cho Bên B về các hư hỏng, khuyết tật phát sinh của hàng hóa, Bên B phải tiến hành khắc phục các hư hỏng, khuyết tật. Chi phí cho việc khắc phục các hư hỏng, khuyết tật, hoặc thay thế (nếu có) sẽ do Bên B chịu.

3. Sau khi hàng hóa được chuyển sang giai đoạn bảo hành (hai Bên đã hoàn tất ký biên bản kiểm tra nghiệm thu hàng hóa), trong vòng 05 (năm) ngày Bên B phải nộp cho Bên A bản gốc Giấy bảo lãnh bảo hành được Bên A chấp nhận do Ngân hàng có uy tín của

Bên B phát hành tương đương 5% tổng giá trị hợp đồng. Bảo lãnh bảo hành phải có thời hạn ... **tháng** kể từ ngày phát hành sau khi hai bên ký biên bản kiểm tra nghiệm thu hàng hóa.

4. Bên A sẽ hoàn trả lại Giấy bảo lãnh bảo hành cho Bên B trong vòng 07 (bảy) ngày sau khi Bên B hoàn tất tất cả các nghĩa vụ của hợp đồng và Bên A nhận được đề nghị hoàn trả lại Giấy bảo lãnh bảo hành của Bên B.

5. Trong trường hợp Bên B nộp bảo lãnh bảo hành bằng tiền mặt sẽ được Bên A căn trừ vào giá trị thanh toán cho Bên B tại đợt thanh toán cuối cùng và Bên A sẽ hoàn trả lại số tiền bảo lãnh bảo hành cho Bên B trong vòng 15 (mười lăm) ngày sau khi Bên B hoàn tất tất cả các nghĩa vụ của hợp đồng và Bên A nhận được đề nghị hoàn trả lại tiền bảo lãnh bảo hành của Bên B.

Điều 16. Phạt vi phạm hợp đồng và bồi thường thiệt hại

1. Phạt vi phạm hợp đồng: Áp dụng.

Trừ trường hợp bất khả kháng, nếu Nhà thầu không thể giao hàng hay cung cấp các dịch vụ liên quan theo đúng thời hạn đã nêu trong hợp đồng thì Chủ đầu tư có thể khấu trừ vào giá hợp đồng một khoản tiền phạt tương ứng với: 0,1%/tuần giá trị phần hàng hóa giao chậm hoặc phần dịch vụ liên quan hoàn thành chậm cho đến khi nội dung công việc đó được thực hiện. Chủ đầu tư sẽ khấu trừ đến 8% giá trị hợp đồng. Khi đạt đến mức phạt tối đa, Chủ đầu tư có thể xem xét chấm dứt hợp đồng theo quy định của hợp đồng.

2. Bồi thường thiệt hại: Áp dụng.

- Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế.

Điều 17. Giải quyết tranh chấp

1. Bên A và Bên B có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.

2. Trường hợp hai Bên không tự giải quyết được mới đưa tranh chấp ra Tòa án nhân dân Tp.HCM giải quyết, phán quyết của Tòa án nhân dân Tp.HCM là quyết định cuối cùng mà hai Bên phải tuân thủ. Án phí sẽ do Bên thua kiện chịu.

Điều 18. Bất khả kháng

1. Nhà thầu không bị tịch thu bảo lãnh thực hiện hợp đồng, không phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại hay bị phạt hoặc bị chấm dứt hợp đồng nếu rơi vào các sự kiện bất khả kháng gây cản trở tiên độ thực hiện hợp đồng hoặc không thể thực hiện nghĩa vụ hợp đồng.

2. Khi xảy ra sự việc bất khả kháng, việc một bên không thực hiện được bất kỳ một nghĩa vụ nào của mình sẽ không bị coi là vi phạm hay phá vỡ Hợp đồng, với điều kiện bên bị ảnh hưởng bởi vụ việc này: (a) đã tiến hành những biện pháp ngăn ngừa hợp lý, cần trọng và các biện pháp thay thế cần thiết, tất cả với mục đích thực hiện được những điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này, và (b) phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ của mình trong phạm vi Hợp đồng chừng nào việc thực hiện này còn hợp lý và thực tế.

3. Trong hợp đồng này, bất khả kháng được hiểu là các sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên và không thể lường trước, không thể tránh được và khiến cho việc thực hiện hợp đồng là không khả thi mà nguyên nhân không phải do sơ suất hoặc thiếu chú ý của các bên. Sự kiện bất khả kháng có thể bao gồm nhưng không giới hạn bởi chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch hoặc các chính sách, quy định của Nhà nước.

4. Khi xảy ra sự kiện bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện trong vòng 14 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng. Đồng thời, chuyển cho bên

gia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng.

Nhà thầu bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để hạn chế hậu quả của sự việc bất khả kháng.

5. Thời hạn mà một bên phải hoàn thành một công việc theo Hợp đồng này được gia hạn thêm một khoảng thời gian bằng đúng thời gian bên đó không thể thực hiện được công việc do sự kiện bất khả kháng gây ra.

Điều 19. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày

Văn bản Hợp đồng là một bộ hoàn chỉnh có ... trang bao gồm: ... trang Hợp đồng chính, ... trang Phụ lục 01 – Bảng giá hợp đồng, ... trang Phụ lục 02 – Danh mục hàng hóa theo hợp đồng.

Hợp đồng được lập thành 04 bộ, Chủ đầu tư giữ 02 bộ, Nhà thầu giữ 02 bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

CHỦ ĐẦU TƯ
CHI NHÁNH CẢNG DẦU KHÍ VÀ DỊCH VỤ
NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO – TỔNG CÔNG TY
CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ
VIỆT NAM

NHÀ THẦU

PHỤ LỤC 01

BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG

(Kèm theo Hợp đồng số, ngày tháng năm))

BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG

STT	Nội dung giá hợp đồng	Thành tiền (VNĐ)
1	Hàng hóa	
2	Dịch vụ liên quan	
Tổng cộng giá hợp đồng (Kết chuyển sang Điều 6 hợp đồng)		

Các giá trị nêu trên là đã bao gồm thuế VAT% và tất cả các loại thuế, phí khác.

BẢNG GIÁ CỦA HÀNG HÓA

1	2	3	4	5	6	7
STT	Mô tả hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng	Xuất xứ, ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ) (Cột 4x6)
1						
Tổng chưa bao gồm VAT						
Thuế VAT (...%)						
Tổng cộng giá hàng hóa đã bao gồm thuế VAT% và tất cả các loại thuế, phí khác. (Kết chuyển sang bảng giá hợp đồng)						

BẢNG GIÁ CÁC DỊCH VỤ LIÊN QUAN

1	2	3	4	5	6
Mô tả dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ) (Cột 2x5)
Tổng chưa bao gồm VAT					
Thuế VAT (...%)					
Tổng giá các dịch vụ liên quan đã bao gồm thuế VAT% và tất cả các loại thuế, phí khác. <i>(Kết chuyển sang bảng giá hợp đồng)</i>					







PHỤ LỤC 02
DANH MỤC HÀNG HÓA THEO HỢP ĐỒNG
(Kèm theo Hợp đồng số, ngày ... tháng ... năm))

H



BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: Chi nhánh Cảng Dầu khí và Dịch vụ Năng lượng tái tạo – Tổng Công ty
Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam

(sau đây gọi là “Chủ đầu tư”)

Theo đề nghị của ____ [ghi tên Nhà thầu] (sau đây gọi là “Nhà thầu”) là nhà thầu đã được lựa chọn cho gói thầu ____ [ghi tên gói thầu] và cam kết sẽ ký kết hợp đồng cung cấp hàng hóa cho gói thầu trên (sau đây gọi là “Hợp đồng”);⁽¹⁾

Theo quy định trong HSMT (hoặc hợp đồng), Nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, ____ [ghi tên của ngân hàng] có trụ sở đăng ký tại ____ [ghi địa chỉ của ngân hàng⁽²⁾] (sau đây gọi là “Ngân hàng”), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của Nhà thầu với số tiền là ____ [ghi rõ giá trị tương ứng bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định tại Mục 26.1 - CDNT của HSMT]. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn ____ [ghi số tiền bảo lãnh] như đã nêu trên, khi có văn bản của Chủ đầu tư thông báo Nhà thầu vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Chủ Đầu tư có quyền yêu cầu thanh toán từng phần theo giá trị của Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng này, miễn là, tất cả các thông báo yêu cầu phải được gửi đến Ngân hàng không chậm hơn ngày hết hạn hiệu lực. Giá trị của Bảo lãnh sẽ được trừ đi tương ứng với giá trị từng phần đã được thanh toán và vẫn có giá trị hiệu lực cho đến ngày hết hạn hiệu lực và/ hoặc ngày đã thanh toán hết giá trị Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng.

Chúng tôi sẽ thanh toán cho Chủ Đầu tư theo Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng này trong vòng [ba (03)] ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo bằng văn bản của Chủ Đầu tư. Thuế hay các khoản phí khác phát sinh tại thời điểm thanh toán hay sau này sẽ không được tính/ trừ vào giá trị thanh toán cho Chủ Đầu tư.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày ____ tháng ____ năm ____⁽³⁾.

Hết thời hạn Bảo lãnh nói trên, Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng sẽ không còn giá trị hiệu lực.

Bảo lãnh thực hiện này được điều chỉnh và chi phối theo Pháp luật của nước Cộng hòa Xã hội Chủ Nghĩa Việt Nam. Trong trường hợp phát sinh tranh chấp, nếu Bên Mua và Ngân hàng không tự giải quyết được, phán quyết của Tòa án nhân dân Tp. HCM sẽ là quyết định cuối cùng mà hai bên phải tuân thủ. Án phí sẽ do bên thua kiện chịu.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Nếu ngân hàng bảo lãnh yêu cầu phải có hợp đồng đã ký mới cấp giấy bảo lãnh thì Nhà thầu sẽ báo cáo Chủ đầu tư xem xét, quyết định. Trong trường hợp này, đoạn trên có thể sửa lại như sau:

“Theo đề nghị của _____ [ghi tên Nhà thầu] (sau đây gọi là “Nhà thầu”) là nhà thầu được lựa chọn cho gói thầu _____ [ghi tên gói thầu] đã ký hợp đồng số _____ [ghi số hợp đồng] ngày _____ tháng _____ năm _____ (sau đây gọi là “Hợp đồng”).”

(2) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(3) Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu quy định tại Mục 26.1 - CDNT.

ts

ts

ts

BẢO LÃNH TIỀN TẠM ỨNG

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: Chi nhánh Cảng Dầu khí và Dịch vụ Năng lượng tái tạo – Tổng Công ty
Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam

(sau đây gọi là “Chủ đầu tư”)

[ghi tên hợp đồng, số hợp đồng]

Theo điều khoản về tạm ứng nêu trong điều kiện cụ thể của hợp đồng, ____ [ghi tên và địa chỉ của nhà thầu] (sau đây gọi là “Nhà thầu”) phải nộp cho Chủ đầu tư một bảo lãnh ngân hàng để bảo đảm nhà thầu sử dụng đúng mục đích khoản tiền tạm ứng ____ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng] cho việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, ____ [ghi tên của ngân hàng] có trụ sở đăng ký tại ____ [ghi địa chỉ của ngân hàng⁽¹⁾] (sau đây gọi là “Ngân hàng”), theo yêu cầu của Chủ đầu tư, đồng ý vô điều kiện, không hủy ngang và không yêu cầu nhà thầu phải xem xét trước, thanh toán cho Chủ đầu tư khi Chủ đầu tư có yêu cầu với một khoản tiền không vượt quá ____ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định].

Chủ Đầu tư có quyền yêu cầu thanh toán từng phần theo giá trị của Bảo lãnh tạm ứng này, miễn là, tất cả các thông báo yêu cầu phải được gửi đến Ngân hàng không chậm hơn ngày hết hạn hiệu lực. Giá trị của Bảo lãnh sẽ được trừ đi tương ứng với giá trị từng phần đã được thanh toán và vẫn có giá trị hiệu lực cho đến ngày hết hạn hiệu lực và/ hoặc ngày đã thanh toán hết giá trị Bảo lãnh tạm ứng.

Chúng tôi sẽ thanh toán cho Chủ Đầu tư theo Bảo lãnh tạm ứng này trong vòng [ba (03)] ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo bằng văn bản của Chủ Đầu tư. Thuế hay các khoản phí khác phát sinh tại thời điểm thanh toán hay sau này sẽ không được tính/ trừ vào giá trị thanh toán cho Chủ Đầu tư.

Ngoài ra, chúng tôi đồng ý rằng các thay đổi, bổ sung hoặc điều chỉnh các điều kiện của hợp đồng hoặc của bất kỳ tài liệu nào liên quan tới hợp đồng được ký giữa Nhà thầu và Chủ đầu tư sẽ không làm thay đổi bất kỳ nghĩa vụ nào của chúng tôi theo bảo lãnh này.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày nhà thầu nhận được khoản tạm ứng theo hợp đồng cho đến ngày ____ tháng ____ năm ____⁽²⁾.

Bảo lãnh thực hiện này được điều chỉnh và chi phối theo Pháp luật của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. Trong trường hợp phát sinh tranh chấp, nếu Chủ Đầu tư và Ngân hàng không tự giải quyết được, phán quyết của Tòa án nhân dân Tp. HCM sẽ là quyết định cuối cùng mà hai bên phải tuân thủ. Án phí sẽ do bên thua kiện chịu.

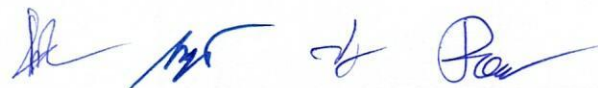
Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(2) Ngày giao hàng quy định trong hợp đồng. Nếu giao hàng theo từng phần thì có thể quy định bảo lãnh tiền tạm ứng hết hiệu lực khi giá trị hàng hóa được giao và nghiệm thu lớn hơn hoặc bằng số tiền được tạm ứng. Trong trường hợp cần gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng thì yêu cầu gia hạn thời gian có hiệu lực của bảo lãnh tiền tạm ứng.



Chương IV. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

1.1. Giới thiệu chung về dự án, gói thầu

- **Tên dự án:** “Đầu tư xe cầu bánh lốp 145-160 tấn”.
- **Tên gói thầu:** “Mua sắm 01 xe cầu bánh lốp 145-160 tấn”.
- **Chủ đầu tư:** Chi nhánh Cảng Dầu khí và Dịch vụ Năng lượng tái tạo – Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam.
- **Mục tiêu đầu tư:** Phục vụ thi công các dự án của Chi nhánh Cảng Dầu khí và Dịch vụ Năng lượng tái tạo – Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam.
- **Đời dự án:** 15 năm.
- **Địa điểm thực hiện gói thầu:** Số 65A, Đường 30/4, Phường Rạch Dừa, Tp.HCM.
- **Nguồn vốn đầu tư:**
 - + Vốn chủ sở hữu
 - + Vốn vay
- **Hình thức quản lý dự án:** Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.
- **Thời gian thực hiện gói thầu:** 210 ngày

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm yêu cầu về kỹ thuật tổng quát và yêu cầu về kỹ thuật chi tiết đối với hàng hóa thuộc phạm vi cung cấp của gói thầu, cụ thể:

Yêu cầu về kỹ thuật và một số dịch vụ liên quan của hàng hóa được nêu chi tiết tại cột (2) Bảng yêu cầu kỹ thuật bên dưới.

Căn cứ theo yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa nêu tại cột (2) Bảng yêu cầu kỹ thuật bên dưới, **nhà thầu phải đề xuất thông số kỹ thuật của hàng hóa mà nhà thầu chào tại cột (3) (tài liệu đề xuất này gọi là Bảng đề xuất thông số kỹ thuật)** để Chủ đầu tư đánh giá. Khi đề xuất thông số kỹ thuật nhà thầu phải đề xuất chi tiết, rõ ràng và đầy đủ thông tin theo yêu cầu, hạn chế đề xuất ngắn gọn nhưng không đủ thông tin như “Đáp ứng”, “Đạt”,.... Cơ sở để xem xét đánh giá là HSDT của Nhà thầu và các tài liệu kỹ thuật (catalogue, hướng dẫn đặt hàng, hướng dẫn vận hành bảo dưỡng, thư xác nhận từ nhà sản xuất,...) chứng minh sự đáp ứng của hàng hóa đối với các yêu cầu đặt ra trong HSMT. Đối với các thông số kỹ thuật mà trong Catalogue không đề cập, nhà thầu phải có thư xác nhận của nhà sản xuất cho các thông số này.

STT	NỘI DUNG YÊU CẦU KỸ THUẬT	ĐỀ XUẤT KỸ THUẬT CỦA NHÀ THẦU
(1)	(2)	(3)
I	YÊU CẦU CHUNG (*)	
1	Chủng loại	Xe cầu bánh lốp

STT	NỘI DUNG YÊU CẦU KỸ THUẬT		ĐỀ XUẤT KỸ THUẬT CỦA NHÀ THẦU
(1)	(2)		(3)
2	Sức nâng	Từ 145÷160 tấn	
3	Tình trạng	Mới 100% và chưa qua sử dụng	
4	Xuất xứ	Hàng hóa có xuất xứ G7	
5	Năm sản xuất	Từ năm 2025 trở về sau	
6	Thời gian giao hàng	≤ 210 ngày	
7	Địa điểm giao hàng	65A, đường 30/4, phường Rạch Dừa, Tp. Hồ Chí Minh.	
8	Kích thước-trọng lượng		
8.1	Tổng chiều dài (bao gồm tời phụ)	≤ 17000 mm	
8.2	Bán kính vòng quay bé nhất (tại đầu cần)	≤ 18000 mm	
8.3	Tổng chiều rộng (khi di chuyển không có đối trọng)	≤ 3500 mm	
8.4	Tổng chiều rộng khi lắp đầy đủ đối trọng	≤ 5200 mm	
8.5	Tổng chiều cao (khi di chuyển)	≤ 4000mm	
8.6	Khối lượng bản thân (khi di chuyển không có đối trọng, cần phụ, móc cầu)	≤ 60000kg	
9	Hiệu suất		
9.1	Tốc độ di chuyển tối đa	Theo thiết kế của Nhà sản xuất.	
9.2	Khả năng leo dốc tối đa	≥ 50%	
II	YÊU CẦU ĐỐI VỚI XE NỀN (*)		
1	Động cơ		
1.1	Thiết kế	Sử dụng riêng hoặc chung với động cơ phân cầu	
1.2	Năm sản xuất	Từ năm 2025 trở về sau, mới và chưa qua sử dụng	
1.3	Công suất tối đa tại số vòng quay lớn nhất	≥ 200 kW	
1.4	Mô men xoắn lớn nhất	≥ 780 N.m	
1.5	Loại động cơ	Động cơ Diesel 4 kỳ	
1.6	Số xy lanh	≤ 8 xy lanh	
1.7	Loại nhiên liệu	Diesel	

STT	NỘI DUNG YÊU CẦU KỸ THUẬT		ĐỀ XUẤT KỸ THUẬT CỦA NHÀ THẦU
(1)	(2)		(3)
1.8	Hệ thống làm mát	Làm mát bằng nước hoặc chất lỏng, có van hằng nhiệt, két nước, quạt gió	
1.9	Hệ thống bôi trơn	Bôi trơn cưỡng bức catte ướt, sử dụng dầu bôi trơn làm mát động cơ hoặc sử dụng các kiểu bôi trơn khác, tuy nhiên phải đảm bảo chức năng hoạt động của hệ thống	
1.10	Kiểu phun nhiên liệu	Bằng điều khiển điện tử/ hoặc bơm cao áp vòi phun	
1.11	Dung tích thùng	≥300 lít	
1.12	Tuốc bộ tăng áp	Có trang bị turbo tăng áp hoặc có thiết kế công nghệ tương đương	
1.13	Tiêu chuẩn khí thải	≥ Euro 3	
2	Hộp số		
		Hộp số cơ khí tự động với ≥ 5 số tiến và ≥ 02 số lùi	
3	Hệ thống lái		
		Hệ thống lái bằng hai mạch thủy lực có trợ lực lái, tay lái thuận	
4	Hệ thống phanh		
4.1	Loại	Dẫn động phanh bằng khí nén hoặc thủy khí tác động lên tất cả các bánh xe	
4.2	Phanh công tác	Loại tang trống, guốc phanh hoặc phanh đĩa ở tất cả các bánh xe	
4.3	Phanh đỗ xe (Parking)	Phanh được thiết kế bằng lò xo tích năng tác động lên các trục hoặc sử dụng các kiểu thiết kế khác, tuy nhiên phải đảm bảo chức năng hoạt động của hệ thống	
4.4	Phanh động cơ	Có trang bị, theo thiết kế NSX	
5	Trục và bánh xe		
5.1	Công thức bánh xe	Đáp ứng đầy đủ chức năng truyền động và vận hành của xe theo thiết kế Nhà sản xuất	
5.2	Số trục	≥ 3 trục	
5.3	Khả năng chịu tải phân bố lên trục	Đáp ứng trọng tải và có khả năng chịu tải lớn nhất theo thiết kế nhà sản xuất	
5.4	Loại lốp	Đáp ứng đầy đủ chức năng của lốp xe theo thiết kế Nhà sản xuất	

STT	NỘI DUNG YÊU CẦU KỸ THUẬT		ĐỀ XUẤT KỸ THUẬT CỦA NHÀ THẦU
(1)	(2)		(3)
5.5	Số bánh xe	Theo thiết kế Nhà sản xuất	
6	Hệ thống treo & Cân bằng		
6.1	Loại hệ thống treo	Thủy lực hoặc thủy khí với cơ chế điều chỉnh thăng bằng	
6.2	Hệ thống cân bằng	Điện - Khí điều khiển xilanh cân bằng. Có chế độ lấy cân bằng tự động và thủ công.	
7	Khung chính và các dầm		
7.1	Khung chính và các dầm phụ	Khung gồm các trục kết cấu bằng thép cường độ cao, có khả năng chịu tải trọng theo thiết kế Nhà sản xuất	
7.2	Năm sản xuất	Từ năm 2025 về sau	
7.3	Chân chống cầu	<ul style="list-style-type: none"> - Dạng hình chữ H, có từ 04 chân chống trở lên, bộ điều khiển được bố trí phù hợp theo thiết kế NSX, có trang bị đồng hồ/chỉ báo báo cân bằng xe cầu. Khẩu độ chân chống tối đa theo phương ngang $\leq 8,5$ m, phương dọc $\leq 9,1$ m. - Có trang bị cảm biến báo vị trí tại tất cả các chân chống để tự động tính toán tải trọng cho phép khi cầu hoạt động và có ít nhất 4 vị trí được tính toán tải trọng khi thu đẩy chân chống để làm việc. 	
8	Ca bin và nội thất bên trong ca bin	Có thể dùng chung với cabin phần cầu. Vỏ ca bin được chế tạo bằng thép hoặc thiết kế tổng hợp với nhựa composite hoặc nhôm đảm bảo chống cháy tốt, có kính chắn gió và có gạt mưa, hệ thống rửa kính, các mặt kính bên, ghế ngồi được trang bị dây đai an toàn, ghế có thể điều chỉnh độ cao, độ nghiêng, chiều dài tựa đầu, có gương chiếu hậu điều chỉnh bằng điện. có đầy đủ các thiết bị và điều khiển, đồng hồ để di chuyển trên đường giao thông. Có trang bị các hệ thống cảm biến, cảnh báo, kiểm soát hành trình, Ổ cắm 24V, có trang bị bình cứu hỏa, hệ thống điều hòa.	

STT	NỘI DUNG YÊU CẦU KỸ THUẬT		ĐỀ XUẤT KỸ THUẬT CỦA NHÀ THẦU
(1)	(2)		(3)
9	Hệ thống điện	Hệ thống tự động báo lỗi trên phần xe nền, có đầy đủ ắc qui, máy phát điện, máy khởi động. Có đầy đủ đèn pha, đèn cos, đèn xi nhan, đèn báo stop, còi tín hiệu xe tới, lùi, đèn quay, hiệu điện thế 24V DC.	
10	Hệ thống đèn báo tín hiệu	Có đầy đủ hệ thống đèn báo/ đồng hồ báo tín hiệu trên ca bin buồng lái như số vòng quay động cơ xe, đồng hồ báo km và tốc độ di chuyển, đồng hồ tính giờ hoạt động của động cơ, đồng hồ báo áp suất nhớt động cơ, đồng hồ báo nhiệt độ nước làm mát, đồng hồ báo nhiệt độ dầu hộp số, đèn cảnh báo kiểm tra động cơ, đèn báo tín hiệu khi rẽ trái/ phải, đồng hồ báo mức nhiên liệu, có đèn quay báo hiệu xin ưu tiên, bộ cảnh báo lùi. Các đèn cảnh báo lỗi khác (Engine, Transmission Gear box...).	
11	Các trang bị bổ sung cần thiết	Thùng chứa dụng cụ, camera lùi, chế độ dừng khẩn cấp, và các trang bị khác.	
III	YÊU CẦU VỀ PHẦN CẦU (*)		
1	Động cơ phần cầu		
1.1	Thiết kế	Sử dụng riêng hoặc chung với động cơ xe nền	
1.2	Năm sản xuất	Từ năm 2025 trở về sau, mới và chưa qua sử dụng.	
1.3	Công suất tối đa tại số vòng quay lớn nhất	≥ 200 kW	
1.4	Mô men xoắn lớn nhất	≥ 780 N.m	
1.5	Loại động cơ	Động cơ Diesel 4 kỳ	
1.6	Số xy lanh	Từ 4 xy lanh đến 8 xy lanh	
1.7	Loại nhiên liệu	Diesel	
1.8	Hệ thống làm mát	Làm mát bằng nước hoặc chất lỏng, có van hằng nhiệt, két nước, quạt gió.	

STT	NỘI DUNG YÊU CẦU KỸ THUẬT	ĐỀ XUẤT KỸ THUẬT CỦA NHÀ THẦU
(1)	(2)	(3)
1.9	Hệ thống bôi trơn	Bôi trơn cưỡng bức catte ướt, sử dụng dầu bôi trơn làm mát động cơ hoặc sử dụng các kiểu bôi trơn khác, tuy nhiên phải đảm bảo chức năng hoạt động của hệ thống
1.10	Kiểu phun nhiên liệu	Bằng điều khiển điện tử/ hoặc bơm cao áp vòi phun.
1.11	Dung tích thùng nhiên liệu	≥ 300 lít
1.12	Tuốc bộ tăng áp	Có trang bị turbo tăng áp hoặc có thiết kế công nghệ tương đương
1.13	Tiêu chuẩn khí thải	≥ Euro 3
2	Kết cấu khung quay toa	Chống xoắn, liên kết bằng hàn, kết cấu thép cường độ cao. Kết nối với nền xe bằng ổ lăn quay toa một dãy, có vành răng bên ngoài để quay liên tục 360°, có hệ thống bôi trơn trung tâm tự động.
3	Hệ thống thủy lực	Hệ thống thủy lực được trang bị các loại bơm phục vụ đầy đủ cho các chức năng làm việc của cầu; được điều khiển công suất bằng bơm bằng thủy lực và điện, có trang bị bộ làm mát bằng dầu.
4	Hệ thống điều khiển	Điều khiển bằng điện, ≥ 02 cần điều khiển vận hành đồng bộ cho hoạt động của cầu và đầy đủ các chức năng làm việc khác.
5	Hộp cần	
5.1	Hộp cần cầu chính	Số đoạn cần ≤ 7 đoạn, được làm từ thép cường độ cao, bao gồm 01 đoạn cần gốc cố định, các đoạn cần còn lại lồng vào nhau được điều khiển ra/vào bởi một xy lanh đơn.
5.2	Chiều dài cần chính tối đa	≥ 61m
5.3	Chiều cao lớn nhất của cần khi nâng cần chính với góc nâng lớn nhất	≥ 61m
5.4	Bán kính lớn nhất làm việc của cầu ở chế độ cần chính	≥ 56m

STT	NỘI DUNG YÊU CẦU KỸ THUẬT		ĐỀ XUẤT KỸ THUẬT CỦA NHÀ THẦU
(1)	(2)		(3)
5.5	Tải trọng cho phép lớn nhất tại bán kính làm việc và chiều dài cần chính ngắn nhất với đối trọng lớn nhất	Đáp ứng được sức nâng lớn nhất của xe, theo thiết kế nhà sản xuất.	
5.6	Tải trọng cho phép lớn nhất tại bán kính lớn nhất, đối trọng lớn nhất và chiều dài cần chính lớn nhất	$\geq 0,9$ tấn	
5.7	Thời gian tối đa ra, vào hết tất cả các đoạn cần	$\leq 520s$	
5.8	Chiều dài cần phụ	$\geq 17m$	
5.9	Mỏ móc	- 01 mỏ phụ xoay được phù hợp với cáp, tời phụ; - 01 mỏ móc có 3 puly; - 01 mỏ móc có số puly ≥ 7 puly.	
6	Hệ thống nâng hạ cần		
6.1	Nâng, hạ cần bằng 1 hoặc 2 xi lanh thủy lực tác động hai chiều gắn liền với phanh và van chặn dầu.	Nâng, hạ cần bằng 1 hoặc 2 xi lanh thủy lực tác động hai chiều gắn liền với phanh và van chặn dầu. Góc nâng, hạ cần từ tối thiểu từ 0° đến $+ 81^\circ$	
6.2	Thời gian nâng cần tối đa (từ vị trí góc cần thấp nhất đến vị trí góc cần lớn nhất)	$\leq 60s$	
7	Hệ thống tời		
7.1	Hệ thống tời chính	Hệ thống tời chính dẫn động bằng mô-tơ piston hướng trục được gắn kết với bộ giảm tốc bánh răng hành tinh, phanh tời nhiều đĩa, điều khiển bằng điện - thủy lực. Có hệ thống camera tời hoặc gương và đèn tín hiệu. Tốc độ quay tối đa của tời chính ở chế độ không tải ≥ 110 m/phút, đường kính cáp $19 \leq \varnothing \leq 22$ mm	

th

[Handwritten signatures]

STT	NỘI DUNG YÊU CẦU KỸ THUẬT	ĐỀ XUẤT KỸ THUẬT CỦA NHÀ THẦU
(1)	(2)	(3)
7.2	Hệ thống tời phụ	Hệ thống tời chính dẫn động bằng mô-tơ piston hướng trục được gắn kết với bộ giảm tốc bánh răng hành tinh, phanh tời nhiều đĩa, điều khiển bằng điện - thủy lực. Có hệ thống camera tời hoặc gương và đèn tín hiệu. Tốc độ quay tối đa của tời chính ở chế độ không tải ≥ 110 m/phút, đường kính cáp $19 \leq \varnothing \leq 22$ mm
8	Hệ thống điều khiển quay toa	Quay toa được dẫn động bằng mô-tơ piston hướng trục với bộ bánh răng hành tinh, có phanh tự động. Vận tốc thay đổi từ 0 đến $\geq 1,3$ vòng/phút
9	Đối trọng	Có đầy đủ đối trọng theo thiết kế Nhà sản xuất, các đối trọng chia rời ra được, việc tháo lắp đối trọng thực hiện bởi các xy lanh thủy lực được điều khiển từ ca bin buồng cầu. Khối lượng tổng cộng của đối trọng ≤ 50 tấn
10	Ca bin buồng cầu	Rộng rãi, tầm nhìn bao quát. Khung ca bin được làm bằng vật liệu composite hoặc nhôm, thép đảm bảo chống cháy tốt với kính chắn gió an toàn, ghế ngồi có chức năng điều chỉnh được, trang bị Điều hòa nhiệt độ. Đầy đủ các cần điều khiển và bảng đồng hồ, màn hình LCD cho vận hành cầu. Cabin có thể điều chỉnh được độ nghiêng tối thiểu từ: 0° - 15°
11	Hệ thống điện	Hệ thống điện 24 Volt DC, tự động báo lỗi trên phần cầu, có 02 bình Accu.
12	Hệ thống đèn	Đầy đủ các loại đèn hiệu ưu tiên, đèn làm việc vào ban đêm cho cầu.
13	Cơ cấu an toàn, báo tải	Báo tải trọng hiện hành và có hệ thống cảnh báo hình ảnh, hệ thống này cung cấp hiển thị đồ họa của góc cần, chiều dài cần, bán kính làm việc, chiều cao đầu cần, tải trọng thực tế, tải trọng tối đa cho phép, hệ thống ngắt cáp tự động

STT	NỘI DUNG YÊU CẦU KỸ THUẬT		ĐỀ XUẤT KỸ THUẬT CỦA NHÀ THẦU
(1)	(2)		(3)
		<p>khi các mỏ cầu lên hết hành trình. Trang bị phần mềm cho toàn bộ cầu hình đối trọng, phần mềm từng đối trọng tương ứng, có báo tải trên chân chống tại cabin cầu, đầy đủ các van an toàn phòng ngừa sự cố đường ống, các van chặn dầu cho các xy lanh thủy lực, đầy đủ các bộ đèn và chuông cảnh báo an toàn được lắp bên trong và bên ngoài Cabin khi cầu làm việc vượt quá giới hạn cho phép như: Quá tải, ngắt mỏ, giới hạn góc nghiêng cần, giới hạn số vòng cáp còn lại trên tời, hệ thống tự động chuẩn đoán lỗi.</p>	
14	Các trang bị cần thiết khác	<p>Bộ dừng động cơ khẩn cấp, quạt buồng cầu, máy lạnh, đồng hồ báo vòng quay tời, bộ làm mát dầu thủy lực, thùng chứa dụng cụ, đầu nối cáp tời để thay thế, bình cứu hỏa, có tích hợp bộ đo tốc độ gió vào hệ thống điều khiển đồng bộ theo xe</p>	
15	Biểu đồ tải	<p>Có đầy đủ biểu đồ tải cho tất cả cầu hình hiện có trên xe cầu, cài đặt phần mềm cho mọi biểu đồ tải và có sổ tay hướng dẫn sử dụng.</p>	
IV	YÊU CẦU VỀ AN TOÀN, CHẤT LƯỢNG, HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG VÀ BẢO HÀNH (*)		
1	Chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) của nước xuất khẩu	Cam kết có khi giao hàng	
2	Chứng nhận chất lượng (C/Q) của Nhà sản xuất	Cam kết có khi giao hàng	
3	Giấy chứng nhận xuất xưởng (FAT)	Cam kết có khi giao hàng	
4	Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường	Cam kết có khi giao hàng	
5	Giấy chứng nhận kiểm định kỹ thuật an toàn phương tiện, bao gồm Biên bản kiểm định kiểm tra an toàn	Cam kết có khi giao hàng	

STT	NỘI DUNG YÊU CẦU KỸ THUẬT		ĐỀ XUẤT KỸ THUẬT CỦA NHÀ THẦU
(1)	(2)		(3)
6	Bộ bảng cà số khung số máy	≥ 04 bộ	
7	Lý lịch phương tiện, thiết bị	Cam kết có khi giao hàng	
8	Tài liệu hướng dẫn sử dụng, vận hành và sửa chữa	03 tài liệu bộ đầy đủ cho xe nền và phần cầu: - Tài liệu hướng dẫn vận hành; - Tài liệu chi tiết các phụ tùng (Spare parts book); - Tài liệu hướng dẫn kiểm tra, sửa chữa các hệ thống của thiết bị (Service Manual, shop Manual...); File mềm của các tài liệu trên.	
9	Chế độ bảo hành	≥ 12 tháng	
10	Bộ dụng cụ phục vụ công tác bảo dưỡng sửa chữa.	Có, liệt kê chi tiết dụng cụ đồ nghề phục vụ công tác bảo dưỡng sửa chữa.	
11	Thử tải các chế độ tải trọng theo sơ đồ tải tại Nhà máy	Có	
12	Nhà thầu cung cấp chuyên gia để thực hiện việc đào tạo cho đội ngũ nhân sự của Chi nhánh Cảng Dầu khí và Dịch vụ Năng lượng tái tạo về lắp đặt, chạy thử, vận hành, bảo dưỡng, và sửa chữa các sự cố thông thường...trong thời gian tối thiểu 03 ngày làm việc tại công trường Chi nhánh Cảng Dầu khí và Dịch vụ Năng lượng tái tạo, và cấp chứng chỉ cho nhân sự tham gia đào tạo.	Cam kết thực hiện khi giao hàng	

Mục 2. Bản vẽ

HSMT này không có bản vẽ đính kèm.